

TPS®

CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT

HỒ SƠ PHÊ DUYỆT MẪU CÂN Ô TÔ TPS60T-ID226



CÂN 60T Size:(3x18)m I300 ID226
(Năm thực hiện 2018)



Web : www.canthinhphat.com
www.canthinhphat.com.vn

ISO 9001: 2008
Registered Quality Management System

CÔNG TY CỔ PHẦN CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT

Trụ Sở : Số 57 Đường Nguyễn Văn Thương - Phường 25
Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh.
MST : 0304788449
Tel : (028) 62.888.666 - 62.999.111 - 3512.7131
Fax : (028) 3512.7966
Email : hcm@canthinhphat.com
Web : www.canthinhphat.com

ĐĂNG KÝ PHÊ DUYỆT MẪU PHƯƠNG TIỆN ĐO

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Cân điện tử Thịnh Phát

Tên giao dịch tiếng Anh: Thinh Phat Scale Electronic Joint Stock Company

Địa chỉ trụ sở chính: 57 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 62.888.666

Fax: (028)35.127.966

Đăng ký kinh doanh số: 0304.788.449 Ngày cấp 08 tháng 4 năm 2015 nơi cấp Sở KHĐT TP.HCM (sửa đổi lần 2)

Đề nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng phê duyệt mẫu để sản xuất phương tiện đo sau:

Tên phương tiện đo: **Cân ô tô điện tử**

Ký hiệu (Model):	TPS60T-ID226
Nhãn hiệu:	THỊNH PHÁT
Phạm vi đo:	(200 ÷ 60 000) kg
Giá trị độ chia kiểm e = d =	10 kg
Kích thước (D x R x C) m:	(18 x 3 x 0.3) m
Số Modul	03 modul (6 x 3 x 0.3) m
Dầm chính	I300
Mặt bàn thép dày	10 mm
Cấp chính xác	3
Bộ chỉ thị (Indicator)	Ký hiệu: ID226; Số lượng: 01 bộ; do Changzhou Weibo Weighing Equipment System Co.,Ltd Trung Quốc sản xuất
Cảm ứng lực (Loadcells):	Ký hiệu: HM9B-C3-30t-16B-2; Do hãng Zemic Trung Quốc sản xuất; Số lượng: 06 bộ; Capacity: 30 t

Số lượng dự kiến sản xuất trong năm: 03 cái/năm/model

Đăng ký kiểm định ban đầu tại: Trung tâm Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định

Tài liệu kèm theo:

- Thuyết minh kỹ thuật
- Bộ ảnh cân và CD chứa bộ ảnh cân
- Bản vẽ kỹ thuật
- Bản cam kết phần mềm.
- Cataloge của sản phẩm.
- Biên bản thử nghiệm xuất xưởng
- Giấy phép kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT**

VÕ HÒ THÁI CƯỜNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
∞ oOo ∞

TP.Hồ Chí Minh, Ngày tháng năm 2016

BẢN CAM KẾT PHẦN MỀM

Kính gửi : Tổng cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng

Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Cân điện tử Thịnh Phát

Tên giao dịch tiếng Anh: Thinh Phat Scale Electronic Joint Stock Company

Địa chỉ trụ sở chính: 57 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 62.888.666

Fax: (028)35.127.966

Tên phương tiện đo đề nghị phê duyệt: Cân ô tô điện tử

Ký hiệu: TPS60T-ID226

Công ty Cổ phần Cân điện tử Thịnh Phát cam kết đảm bảo việc sử dụng, vận hành các chức năng theo phần mềm của phương tiện đo được sản xuất phù hợp với mẫu đã phê duyệt không làm thay đổi các đặc trưng kỹ thuật, đo lường chính của chúng.

Công ty Cổ phần Cân điện tử Thịnh Phát xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu có hành vi làm trái với nội dung cam kết này./.

Tài liệu kèm theo:

- Đĩa CD chứa phần mềm quản lý cân

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT

VÕ HÒ THÁI CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT

**HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ PHÊ DUYỆT MẪU
PHƯƠNG TIỆN ĐO
CÂN Ô TÔ ĐIỆN TỬ**

Đơn vị đăng ký: CÔNG TY CỔ PHẦN CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT

**Địa chỉ trụ sở chính: 57 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh,
TP.HCM**

Tên phương tiện đo đề nghị phê duyệt: Cân ô tô điện tử

Ký hiệu: TPS60T-ID226

THUYẾT MINH KỸ THUẬT

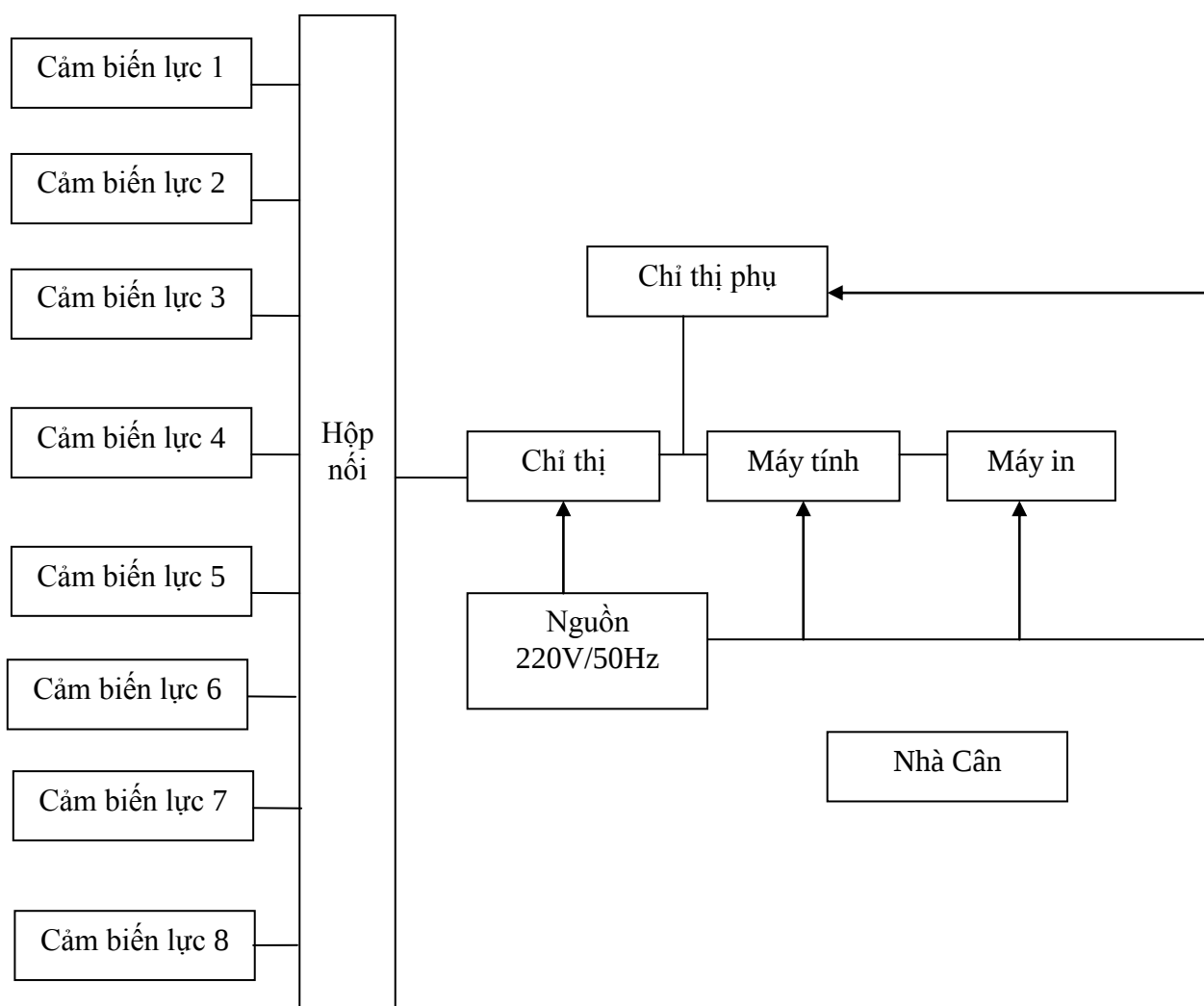
PHƯƠNG TIỆN ĐO

CÂN ÔTÔ ĐIỆN TỬ

TPS60T-ID226

I. NGUYÊN LÝ CÂN Ô TÔ ĐIỆN TỬ

TPS60T-DI28



Hệ thống cảm biến lực (loadcell) biến đổi tín hiệu khối lượng của xe ô tô trên mặt bàn cân thành tín hiệu số tương ứng với khối lượng đó.

Tín hiệu từ các cảm biến này được nối với nhau trong hộp kết nối để nhận dạng từng loadcell và tín hiệu được đưa về bộ chỉ thị. Tín hiệu tới bộ chỉ thị được khuếch đại, lọc nhiễu, chuyển đổi từ tín hiệu điện áp thành tín hiệu số. Tín hiệu số này được bộ Vi xử lý bên trong bộ

chỉ thị, theo các giá trị cài đặt từ ngoài thông qua bàn phím. Bộ Vi xử lý chuyển tín hiệu ra màn hình chỉ thị, máy tính, máy in, chỉ thị phụ ...

Nguồn điện cung cấp điện áp ổn định 220VAC – 50 Hz cho các thiết bị điện của cân.

II. MẶT BÀN CÂN

Mặt bàn cân là nơi nhận khối lượng của xe ô tô khi lên cân. Mặt bàn được thiết kế đảm bảo cứng vững khi xe ra vào cân, toàn bộ khối lượng của xe ô tô được truyền đầy đủ, trung thực xuống hệ thống cảm biến.

- Khả năng chịu tải của bàn cân : 60.000 kg
- Khả năng chịu quá tải max 150% : 90.000 kg
- Kích thước bàn cân (D x R x C) : (18 x 3 x 0.3) m
- Số modul bàn cân : 03 modul kích thước (6 x 3 x 0.3) m
- Vật liệu bàn cân : thép
- Tole mặt bàn cân dày: : 10 mm
- Dầm chính : I300
- Bàn cân được thiết kế có hệ thống giảm giao động gồm 04 giảm dao động ngang và 04 giảm dao động dọc ở 04 góc của đầu cân.
- Bàn cân được thiết kế đặc biệt để phù hợp tình trạng cân ô tô chở quá tải (tải trọng cục bộ lớn hơn nhiều so với tải trọng cho phép của xe), đảm bảo độ bền chắc, chịu lực tốt ở các trọng tải lớn, được phủ lớp chống ôxi hoá đảm bảo tính thẩm mỹ cũng như độ bền của cân.

Ghi chú: Chi tiết kết cấu bàn cân xem trong bản vẽ kèm theo.

III. HỆ THỐNG MÓNG CÂN ÔTÔ

Hệ thống móng cân ô tô là bộ phận rất quan trọng quyết định độ chính xác của cân ô tô tại thời điểm lắp đặt ban đầu cũng như sau này.

Các móng cân phải được các chuyên gia xây dựng tính kết cấu cũng như biện pháp gia cố cụ thể tùy từng vị trí lắp đặt cân. Tại các vị trí lắp đặt cân khác nhau, đất có cường độ chịu nén khác nhau đòi hỏi phải có tính thiết kế cụ thể. Hệ thống móng cân ô tô được xây dựng đảm bảo kích thước và khả năng chịu tải theo đúng qui định.

- Mỗi trụ móng nơi lắp đặt Loadcell phải đảm bảo chịu tải 60 tấn;
- Móng cân không lún nứt trong khi hoạt động cân;
- Có hệ thống thoát nước mưa, không gây ngập cân;
- Vị trí cân phải thuận tiện, đảm bảo an toàn cho xe vào cân;
- Độ dốc lên cân không quá cao để xe tải nặng lên cân dễ dàng;
- Trước khi vào cân phải có mặt bằng tránh xung lực của xe sau khi lên dốc.

Ghi chú: Chi tiết kết cấu bàn cân xem trong bản vẽ kèm theo.

IV. HỆ THỐNG ĐIỆN TỬ

1. Bộ chỉ thị điện tử ID226

- Số lượng	: 01 bộ
- Hãng sản xuất	: Changzhou Weibo Weighing Equipment System Co.,Ltd Trung Quốc
- Phím mã hàng và chức năng	: 06 phím
- Cấp chính xác	: 3
- Độ phân giải tối đa	: 1/200.000
- Hiển thị	: 6 chữ số cao 49 mm
- Đơn vị đo lường có thể cài đặt	: kg/lb/oz/ct
- Cảnh báo các mức cân	
- Chuẩn giao tiếp	: RS232
- Độ phi tuyến	: $\leq 0.0015\% \text{F.S}$
- Ảnh hưởng của nhiệt độ	: $\leq 5 \text{ ppm}/^{\circ}\text{C}$
- Điện áp cung cấp cho loadcell	: 5 VDC
- Khả năng kết nối loadcell	: 08 loadcell 350 Ω
- Điện áp cung cấp tiêu chuẩn	: (110 ÷ 220) VAC ở tần số 50/60 Hz hoặc 6VDC
- Nhiệt độ làm việc	: $-10^{\circ}\text{C} \sim +40^{\circ}\text{C}$
- Khả năng kết nối loadcell	: có thể kết nối 04 loadcell 350 Ω
- Độ ẩm làm việc	: 15÷85 %RH

* **Ghi chú:** xem tài liệu kỹ thuật kèm theo

2. Bộ cảm biến lực

- + Model : HM9B-C3-30t-16B-2
- + Mức tải lớn nhất của 1 Loacell : 30 tấn
- + Tiêu chuẩn đo lường : OIML R60 C3
- + Hãng sản xuất : Zemic Trung Quốc
- + Số lượng dùng cho cân : 08 bộ
- + Khối lượng nhẹ, dễ dàng cho việc lắp đặt; được thiết kế chống xoay;
- + Được sản xuất bằng vật liệu thép đặc biệt, hàn kín bằng lazer;

Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Giá trị
Trọng tải (capacity)	t	30
Cấp chính xác		3
Lỗi kết hợp	%FS	$\leq \pm 0.02$
Độ bù	%FS/30 phút	$\leq \pm 0.016$
Tác động của nhiệt độ đến độ nhạy	%FS/10°C	$\leq \pm 0.011$
Tác động của nhiệt độ đến điểm “0”	%FS/10°C	$\leq \pm 0.015$
Độ nhạy điện áp	mV/V	$2,4 \pm 0,002$
Điện trở ra	Ω	700 ± 7
Điện trở ra	Ω	700 ± 7
Điện trở cách điện	M Ω	5000 (50VDC)
Cân bằng zero	%FS	1,5
Khoảng nhiệt độ bù nhiệt	°C	-10 ÷ 40
Khoảng nhiệt độ hoạt động	°C	-35 ÷ 65
Điện áp cung cấp	VDC	5 ÷ 12
Điện áp cung cấp tối đa	VDC	18
Quá tải an toàn	%	150
Quá tải phá hủy	%	300

Ghi chú : * Catalogue xem trong phần phụ lục

3. Hộp nối – phối hợp trở kháng:

Các cảm lực (Loacell) khi được sản xuất có các thông số kỹ thuật không giống nhau hoàn toàn.

Với các tập đoàn lớn, Công nghệ hiện đại thì thông số tín hiệu của các cảm biến lực có dung sai 0.1%.

Khi lắp đặt các Loacell vào cân ô tô phải thông qua hộp dây nối. Hộp nối dây loacell có chức năng sau:

- + Nối kết các dây tín hiệu của các loacell lại thành 1 dây khung chung về bộ chỉ thị;
- + Hộp kết nối có chức năng nhận tín hiệu từng loadcell.
- + Calib từng loadcell

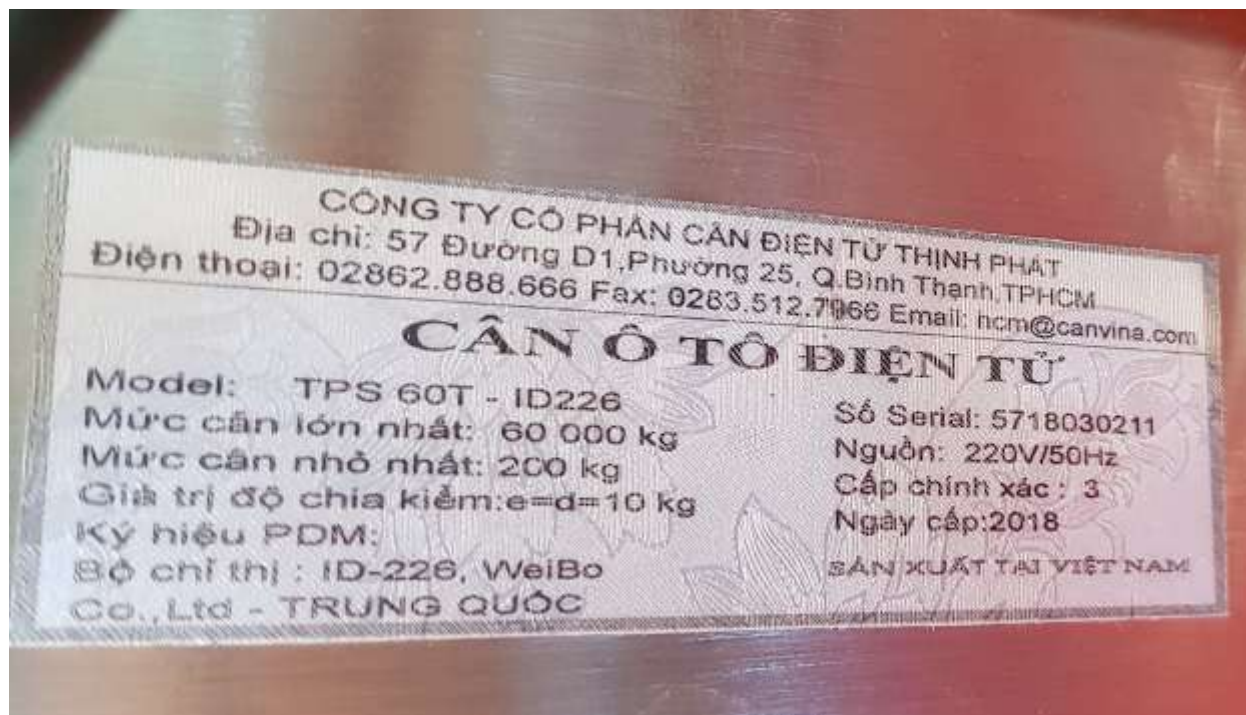
Nguyên tắc của hộp kết nối là cung cấp điện áp cho từng loadcell. Khi điện áp cung cấp cho loadcell thay đổi dẫn đến điện áp ra của loadcell thay đổi.

V. Các biện pháp phòng ngừa

Toàn bộ sản phẩm cân điện tử do Công ty Cổ phần Cân điện tử Thịnh Phát sản xuất và lắp ráp sau khi kiểm định đều thực hiện các biện pháp sau đây để ngăn ngừa các tác động của người sử dụng để làm sai lệch cân vì mục đích trực lợi:

- Niêm phong đầu cân và vị trí switch calib để người sử dụng không thể cài đặt lại các thông số của đầu cân sau khi kiểm định.
- Niêm phong hộp nối để người sử dụng không thể điều chỉnh tín hiệu ra của các loadcell để làm sai lệch kết quả cân.
- Phần mềm quản lý cân được thiết kế chuyên dụng để ngăn ngừa người sử dụng thực hiện các thao tác sửa số liệu cân và thay đổi thông số cài đặt ban đầu của cân sau khi kiểm định.

VI. Nhãn mác gắn trên sản phẩm



BIÊN BẢN THỬ NGHIỆM

Tên ph- ơng tiện thử nghiệm: Cân ô tô điện tử

Kiểu: Điện tử - hiện số

Ký hiệu: TPS60T-ID226

Đặc tr- ng kỹ thuật: Mức cân lớn nhất Max = 60 000 kg

Mức cân nhỏ nhất Min = 200 kg

Giá trị độ chia d =10 kg; Giá trị độ chia kiểm e =10 kg

Bàn cân thép kích th- ớc (D x R x C): 18 m x 3 m x 0.3 m

Đầu chỉ thị Ký hiệu: ID226; Số lượng: 01 bộ; do WEBO Weighing Device & System Co.,Ltd Trung Quốc sản xuất

Đầu đo Ký hiệu: HM9B-C3-30t-16B-2; Do hãng Zemic Trung Quốc sản xuất; Số lượng: 08 bộ; Capacity: 30 t

Cơ quan đề nghị thử nghiệm: Công ty CP Cân điện tử Thịnh Phát

Tiêu chuẩn thử nghiệm: ĐLVN 100 - 2002

Phòng thử nghiệm: Trung tâm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ 1

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 27 tháng 7 năm 2018

Đến ngày 29 tháng 7 năm 2018

Cán bộ thực hiện: Lê Danh Huy

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Kiểm tra hồ sơ tài liệu, yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra bề ngoài:

- Hồ sơ kỹ thuật rõ ràng, phù hợp với mẫu cân thử nghiệm.
- Mẫu cân ô tô lắp đặt tại: Công ty TNHH MTV cao su Minh Phú; địa chỉ: Thôn 2, Đức Phú, Tánh Linh, Bình Thuận
- Bàn cân thép kích thước (18 x 3 x 0.3) m; gồm 03 modul kích thước (6 x 3 x 0.3) m; mặt bàn thép dày 10 mm; dầm chính I300
- Cân gồm có 08 đầu đo HM9B-C3-30t-16B-2, Max = 30000 kg
- Cân đạt các yêu cầu kỹ thuật, đ- ợc phép kiểm tra đo l- ờng.
- Cơ cấu đặt điểm “0” tự động và cơ cấu dò điểm “0”:

☐ Không có ☐ Không hoạt động ☒ Ngoài miền hoạt động ☐ Hoạt động

Phạm vi đặt điểm “0” (%)

2

II. Kiểm tra đo l- ờng:

1. Kiểm tra sai số điểm “0” (hoặc mức min)

I (kg)	ΔL_0 (kg)	Sai số điểm “0” E_0 (kg)	mpe (kg)
0	5	± 0	± 5

☒ Đạt

☐ Không đạt

2. Kiểm tra độ đúng tại các mức cân:

2. Kiểm tra độ đúng tại các mức cân:

Khối lượng quả cân chuẩn được sử dụng: 12000 kg

Tải trọng L (kg)	I (kg)		ΔL (kg)		E (kg)		E_c (kg)		mpe (kg)
	↑	↓	↑	↓	↑	↓	↑	↓	
500	500	500	5	5	0	0	0	0	± 5
5000	5000	5000	5	5	0	0	0	0	± 5
8000	8000	8000	5	5	0	0	0	0	± 10
12000	12000	12000	6	7	-1	-2	-1	-2	± 10
20000	20000	20000	7	4	-2	1	-2	1	± 10
30000	30000	30000	8	7	-3	-2	-3	-2	± 15
40000	40000	40000	8	6	-3	-1	-3	-1	± 15
50000	50000	50000	9	9	-4	-4	-4	-4	± 15
60000	60000	60000	12	10	-7	-5	-7	-5	± 15

☒ Đạt

☐ Không đạt

3. Kiểm tra phép cân bì

Giá trị bì thứ nhất :

Bì:

Chỉ thị bì:

Tải trọng L(kg)	I(kg)		ΔL (kg)		E(kg)		E_c (kg)		mpe
	↓	↑	↓	↑	↓	↑	↓	↑	
500	500	500	5	5	0	0	0	0	± 5
5000	5000	5000	5	5	0	0	0	0	± 5
12000	12000	12000	6	7	-1	-2	-1	-2	± 10
20000	20000	20000	8	6	-2	-1	-2	-1	± 10
30000	30000	30000	8	9	-3	-4	-3	-4	± 15
40000	40000	40000	9	10	-4	-5	-4	-5	± 15

☒ Đạt

☐ Không đạt

Giá trị bì lần hai:

Bì:

Chỉ thị bì:

Tải trọng L(kg)	I(kg) ↓ ↑		ΔL (kg) ↓ ↑		E(kg) ↓ ↑		E_c (kg) ↓ ↑		mpe
500	500	500	7	6	-2	-1	-2	-1	± 5
5000	5000	5000	7	6	-2	-1	-2	-1	± 5
12000	12000	12000	8	9	-3	-4	-3	-4	± 10
20000	20000	20000	9	8	-4	-3	-4	-3	± 10
30000	30000	30000	10	9	-5	-4	-5	-4	± 15
40000	40000	40000	11	12	-6	-7	-6	-7	± 15

☒ Đạt ☐ Không đạt

4. Kiểm tra tải trọng lệch tâm: $[(1/3) \text{ Max} = 20\,000 \text{ kg}]$

Sau Giữa Trước

Bộ chỉ thị

Tải trọng L (kg)	Vị trí đặt tải	I (kg)	ΔL (kg)	E (kg)	E_c (kg)	Δ_{mpe} (kg)
20000	Trước	20000	9	-4	- 4	± 15
	Giữa	20000	6	- 1	- 1	
	Sau	20000	8	-3	-3	

☒ Đạt ☐ Không đạt

5. Kiểm tra độ động:

Tải trọng	I_1 (kg)	$-\Delta L$ (kg)	$+1/10d$ (kg)	Gia trọng $=1.4d$ (kg)	I_2 (kg)	I_2-I_1 (kg)
Min	500	2	1	14	510	10
1/2 Max	30000	3	1	14	30010	10
Max	60000	2	1	14	60010	10

☒ Đạt ☐ Không đạt

6. Kiểm tra độ lặp lại:

Tải trọng (Lần cân 1 - 3)

30 000 kg

Tải trọng (Lần cân 4 - 6)

60 000 kg

	I(kg)	ΔL (kg)	P(kg)
1	30000	8	29997
2	30000	7	29998
3	30000	9	29996

	I(kg)	ΔL (kg)	P(kg)
4	60000	10	59995
5	60000	11	59994
6	60000	12	59993

2 kg $P_{\max} - P_{\min}$ (Lần cân 1-2)

2 kg $P_{\max} - P_{\min}$ (Lần cân 5-6)

15 kg mpe

15 kg mpe

☒ Đạt ☐ Không đạt

7. Kiểm tra sự phụ thuộc theo thời gian:

7.1. Kiểm tra độ bền:

Thời gian đọc		L(kg)	I(kg)	ΔL (kg)	P(kg)	ΔP (kg)
9 ^h 20	0 phút	60000	60000	10	59995	0
9 ^h 25	5 phút	60000	60000	10	59995	0
9 ^h 30	10 phút	60000	60000	11	59994	1
9 ^h 35	15 phút	60000	60000	11	59994	1
9 ^h 50	30 phút	60000	60000	11	59994	1
(*)						
	1 giờ					
	2 giờ					
	3 giờ					
	4 giờ					

ΔP = Biến thiên giữa P khi bắt đầu và P tại thời điểm đang xét.

(*) Phép thử kết thúc nếu trong thời gian 30 phút đầu $|\Delta P| \leq 0.5 e$ và nếu giữa thời gian 15 và 30 phút, $|\Delta P| \leq 0.2 e$; Ngược lại, phép thử cần tiếp tục thêm 3.5 giờ.

Kiểm tra trong tổng thời gian 4 giờ: $|\Delta P| \leq mpe$.

☒ Đạt ☐ Không đạt

7.2. Kiểm tra trở về điểm “0”: Kiểm tra $|\Delta P| \leq 0.5 e$

$$P = I + 1/2e - \Delta L$$

Thời gian đọc	Tải trọng L_0 (kg)	I_0 (kg)	ΔL (kg)	P(kg)
0	0	0	5	0
Sau khi chất tải 0.5 giờ				
30'	0	0	7	-2

Thay đổi chỉ thị điểm “0” $|\Delta P| =$

- 2

☒ Đạt ☐ Không đạt

8. Kiểm tra độ ổn định trạng thái cân bằng: Không thực hiện do cân không có cơ cấu in lưu
9. Kiểm tra các yếu tố ảnh hưởng:
- 9.1 Kiểm tra nghiêng cân: không thực hiện
- 9.2. Kiểm tra thời gian khởi động:
- Khoảng thời gian ngắt điện trước khi thử nghiệm : 16 giờ

Thời gian (*)	Tải trọng	I(kg)	ΔL (kg)	E(kg)	$E_1 - E_0$ (kg)	Mpe (kg)
------------------	-----------	-------	-----------------	-------	------------------	-------------

15

Không tải	0 phút	0	0	5	0	
Có tải	(13 ^h 00)	50000	50000	8	-3	-3

Không tải	5 phút	0	0	5	0	
Có tải	(13 ^h 05)	50000	50000	9	-4	-4

Không tải	15 phút	0	0	5	0	
Có tải	(13 ^h 15)	50000	50000	9	-4	-4

Không tải	30 phút	0	0	5	0	
Có tải	(13 ^h 30)	50000	50000	10	-5	-5

Tính từ thời điểm xuất hiện chỉ thị đầu tiên . Kiểm tra $|E_1 - E_0| \leq mpe$



Đạt



Không đạt

9.3 Kiểm tra biến động điện áp :

Điện áp danh nghĩa (ĐADN) được ghi khắc hoặc dải điện áp : 220 (V)

Điện áp	U (V)	L (kg)	I(kg)	ΔL (kg)	E(kg)	E_c (kg)	mpe (kg)
(đADN)	220	20e=200	200	5	0	0	± 5
		60000	60000	10	-5	-5	± 15
-15% (đADN)	187	20e=200	200	5	0	0	± 5
		60000	60000	11	-6	-6	± 15
+10% (đADN)	242	20e=200	200	5	0	0	± 5
		60000	60000	11	-6	-6	± 15
(đADN)	220	20e=200	200	5	0	0	± 5
		60000	60000	12	-7	-7	± 15



Đạt



Không đạt

10. Kiểm tra độ ổn định khoảng đo:

Phép đo số 1 (ngày 27/7/2018) SSTB = TB ($E_L - E_0$) =

-5.4

	I_0 (kg)	ΔL_0 (kg)	E_0 (kg)	I_L (kg)	ΔL (kg)	E_L (kg)	$E_L - E_0$ (kg)	E_C (kg)
1	0	5	± 0	60000	10	-5	-5	-5
2	0	5	± 0	60000	10	-5	-5	-5
3	0	5	± 0	60000	10	-5	-5	-5
4	0	5	± 0	60000	11	-6	-6	-6
5	0	5	± 0	60000	11	-6	-6	-6

$(E_L - E_0)_{MAX} - (E_L - E_0)_{MIN} =$

1

0,1e (kg) =

1

Nếu $(E_L - E_0)_{MAX} - (E_L - E_0)_{MIN} \leq 0,1e$ chỉ cần đọc kết quả một lần thử ở mỗi phép đo kết tiếp.

Phép đo số 2 (ngày 27/7/2018) SSTB = TB ($E_L - E_0$) =							-6	
	$I_0(\text{kg})$	$\Delta L_0(\text{kg})$	$E_0(\text{kg})$	$I_L(\text{kg})$	$\Delta L(\text{kg})$	$E_L(\text{kg})$	$E_L - E_0(\text{kg})$	$E_C(\text{kg})$
1	0	5	± 0	60000	11	-6	-6	-6

Phép đo số 3 (ngày 28/7/2018) SSTB = TB ($E_L - E_0$) =							-6	
	$I_0(\text{kg})$	$\Delta L_0(\text{kg})$	$E_0(\text{kg})$	$I_L(\text{kg})$	$\Delta L(\text{kg})$	$E_L(\text{kg})$	$E_L - E_0(\text{kg})$	$E_C(\text{kg})$
1	0	5	± 0	60000	11	-6	-6	-6

Phép đo số 4 (ngày 28/7/2018) SSTB = TB ($E_L - E_0$) =							-7	
	$I_0(\text{kg})$	$\Delta L_0(\text{kg})$	$E_0(\text{kg})$	$I_L(\text{kg})$	$\Delta L(\text{kg})$	$E_L(\text{kg})$	$E_L - E_0(\text{kg})$	$E_C(\text{kg})$
1	0	5	± 0	60000	12	-7	-7	-7

Phép đo số 5 (ngày 29/7/2018) SSTB = TB ($E_L - E_0$) =							-5	
	$I_0(\text{kg})$	$\Delta L_0(\text{kg})$	$E_0(\text{kg})$	$I_L(\text{kg})$	$\Delta L(\text{kg})$	$E_L(\text{kg})$	$E_L - E_0(\text{kg})$	$E_C(\text{kg})$
1	0	5	± 0	60000	10	-5	-5	-5

☒ Đạt ☐ Không đạt

III. Kết luận:

- Mẫu cân ô tô điện tử 60 tấn TPS60T-ID226; Max = 60000 kg; e = d = 10 kg gồm 08 đầu đo HM9B-C3-30t-16B-2; 01 bộ chỉ thị ID226; mặt bàn thép 18 m x 3 m x 0.3 m gồm 03 modul kích thước 6 m x 3 m x 0.3 m, dầm chính I300, mặt bàn thép dày 10 mm, lắp đặt tại Công ty TNHH MTV cao su Minh Phú; địa chỉ: Thôn 2, Đức Phú, Tánh Linh, Bình Thuận.
- Cân thử nghiệm đạt các chỉ tiêu phù hợp với ĐLVN100 : 2002 (cân không tự động cấp chính xác III quy trình thử nghiệm)

Đại diện cơ quan tiến hành thử nghiệm

Cán bộ thực hiện

Lê Danh Huy

Số: /BC-SMEDEC 1

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM, ĐÁNH GIÁ
MẪU PHƯƠNG TIỆN ĐO**

Kính gửi: **Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng**

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần Cân điện tử Thịnh Phát địa chỉ: 57 Đường D1, Phường 25, Q.Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh từ ngày 27 tháng 7 năm 2018 đến ngày 29 tháng 7 năm 2018 Trung tâm SMEDEC1 đã đánh giá để phê duyệt mẫu sản xuất đối với mẫu phương tiện đo sau đây:

- Tên mẫu phương tiện đo: Cân ô tô điện tử
- Kiểu, ký hiệu: TPS60T-ID226
- Tên hãng sản xuất: Công ty Cổ phần Cân điện tử Thịnh Phát
- Nước sản xuất: Việt Nam

Căn cứ biên bản kết quả thử nghiệm mẫu và kết quả đánh giá mẫu, Trung tâm SMEDEC1 báo cáo Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về mẫu như sau:

Mẫu có các đặc trưng kỹ thuật đo lường chính sau đây:

Ký hiệu (Model):	TPS60T-ID226
Nhãn hiệu:	THỊNH PHÁT
Phạm vi đo:	(200 ÷ 60 000) kg
Giá trị độ chia kiểm e = d =	10 kg
Kích thước (D x R x C) m:	(18 x 3 x 0.3) m
Số Modul	03 modul (6 x 3 x 0.3) m
Dầm chính	I300
Mặt bàn thép dày	10 mm
Cấp chính xác	3
Bộ chỉ thị (Indicator)	Ký hiệu: ID226; Số lượng: 01 bộ; do WEBO Weighing Device & System Co.,Ltd Trung Quốc sản xuất
Cảm ứng lực (Loadcells):	Ký hiệu: HM9B-C3-30t-16B-2; Do hãng Zemic Trung Quốc sản xuất; Số lượng: 08 bộ; Capacity: 30 t

1. Đánh giá mẫu

a) Mẫu phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định tại quy trình thử nghiệm ĐLVN 100:2002:

☒

Đạt

☐

Không đạt

b) Mẫu có cấu trúc, tính năng kỹ thuật bảo đảm ngăn ngừa tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính trong quá trình sử dụng:

☒

Đạt

☐

Không đạt

c) Bộ hình ảnh của mẫu bảo đảm yêu cầu so sánh, đối chiếu, kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo được sản xuất so với mẫu:

☒

Đạt

☐

Không đạt

d) Biện pháp quản lý, kỹ thuật do cơ sở xây dựng và áp dụng so với yêu cầu bảo đảm phương tiện đo được cơ sở sản xuất, nhập khẩu phù hợp với mẫu đã được phê duyệt

☒

Đạt

☐

Không đạt

2. Kết luận, kiến nghị

Trung tâm SMEDEC1 kiến nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét phê duyệt mẫu phương tiện đo trên./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

- Như trên;
- Lưu VT; ĐL.

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.3756.7285 / Fax: (043)756.4244

GIẤY CHỨNG NHẬN THỬ NGHIỆM

(Testing Certificate)

Số (N^o): TN.107.18

Tên đối tượng (Object): Cân ô tô điện tử

Kiểu (Type): TPS60T-ID226

Nơi sản xuất (Manufacture): Công ty Cổ Phần Cân điện tử Thịnh Phát

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Max:	60 000 kg	Kích thước (D x R x C):	(18 x 3 x 0.3) m
Giá trị độ chia kiểm:	e = d = 10 kg	Cấp chính xác:	3
Min:	200 kg	Đầm chính:	I300
Số lượng modul:	03 modul kích thước (6 x 3 x 0.3) m		
Bộ chỉ thị:	Ký hiệu: ID226; Số lượng: 01 bộ; do WEBO Weighing Device & System Co.,Ltd Trung Quốc sản xuất		
Loadcells:	Ký hiệu: HM9B-C3-30t-16B-2; Do hãng Zemic Trung Quốc sản xuất; Số lượng: 08 bộ; Capacity: 30 t		
Vật liệu chế tạo	Thép		
Mặt bàn thép dày	10 mm		

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH MTV cao su Minh Phú
Thôn 2, Đức Phú, Tánh Linh, Bình Thuận

Phương pháp thực hiện (Method of testing): ĐLVN 100:2002

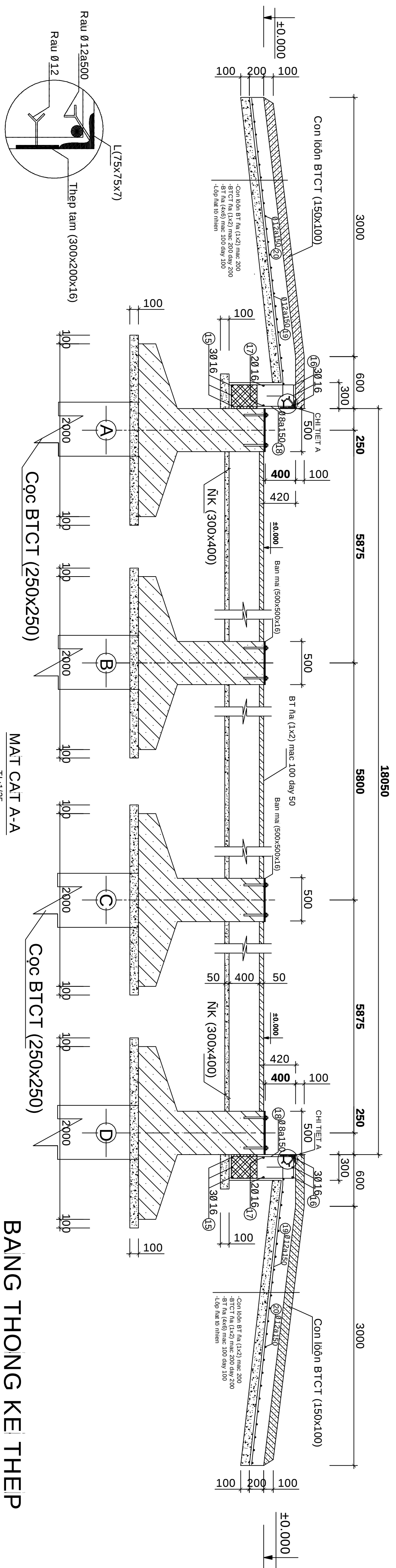
Kết quả (Results): Xem biên bản thử nghiệm số 107/BBTN-2018

P.Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018
(Date of issue)
GIÁM ĐỐC
Director

Lê Danh Huy

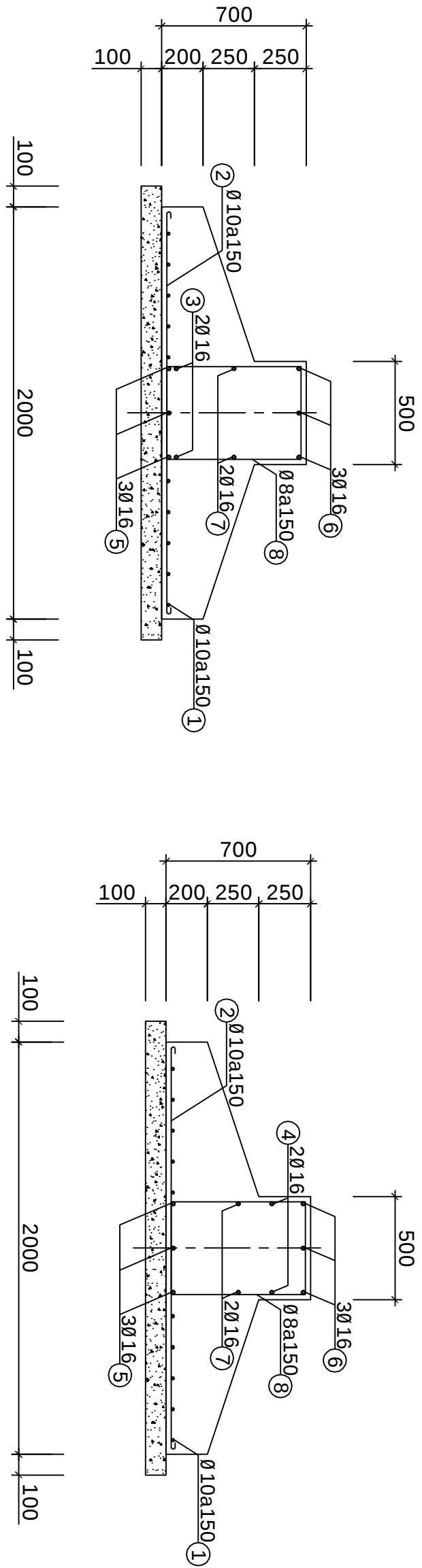
SAMPLED



CHI TIẾT A

MAT CÁT A-A

TL:1/25

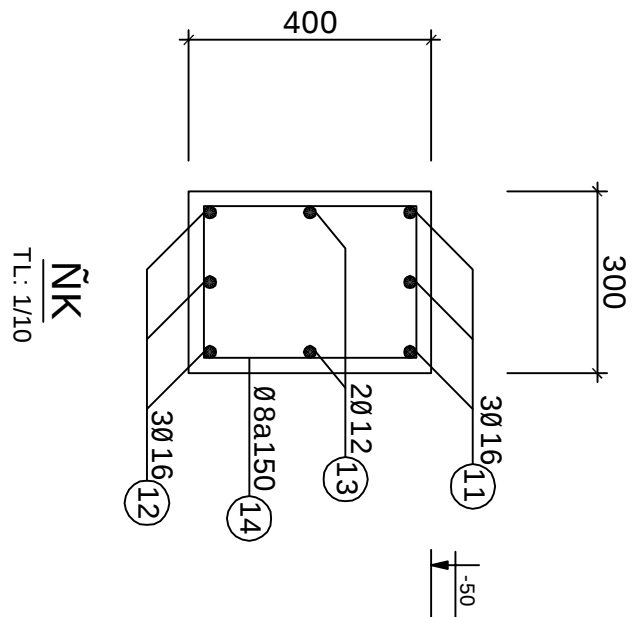


MAT CÁT 1-1

TL:1/20

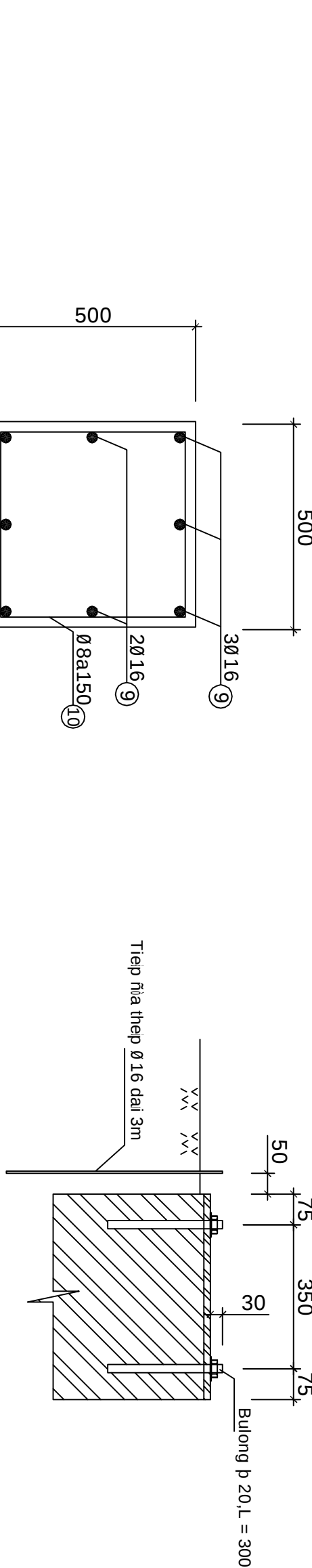
MAT CÁT 2-2

TL:1/20



BẢNG THÔNG KÊ THIẾT

TÊN C/ KIẾN	STT	HÌNH DẠNG & KÍCH THƯỚC	ĐƠN VỊ	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
MONG MC	1	3200	10	3200	52	166.4	102.67
	2	1950	10	1950	88	171.6	105.88
	3	1200	16	1200	16	19.2	30.34
	4	2000	16	2000	8	16	25.28
	5	3200	16	3200	12	38.4	60.67
	6	3200	16	3500	12	42	66.36
	7	3200	16	3200	8	25.6	40.45
	8	450 50	8	2300	88	202.4	79.95
CỘT	9	450	16	1850	64	118.4	187.07
	10	450 50	8	1900	40	76	30.02
NK	11	18600	16	18900	6	113.4	179.17
	12	18600	16	18600	6	111.6	176.33
	13	18600	12	18600	4	74.4	66.07
	14	250 50	8	1300	248	322.4	127.35
	15	3200	16	3200	6	19.2	30.34
	16	3200	16	3500	6	21	33.18
	17	3200	16	3200	4	12.8	20.22
	18	250 50	8	2140	44	94.16	37.19
DOC	19	3000	12	3750	44	165	146.52
	20	3000-4400	12	4400	50	220	195.36
Thép tam ban ma (500x500x16), số lượng 08 tam							251.2kg
Thép tam chống dáo phòng (300x200x16), số lượng 04 tam							30kg
Thép hình L (75x75x7), L= 3m, số lượng 02 cây							6m
Thép nhà thép p 16, dài 3m							24m
Bulong p 20, L = 300mm							32 cái



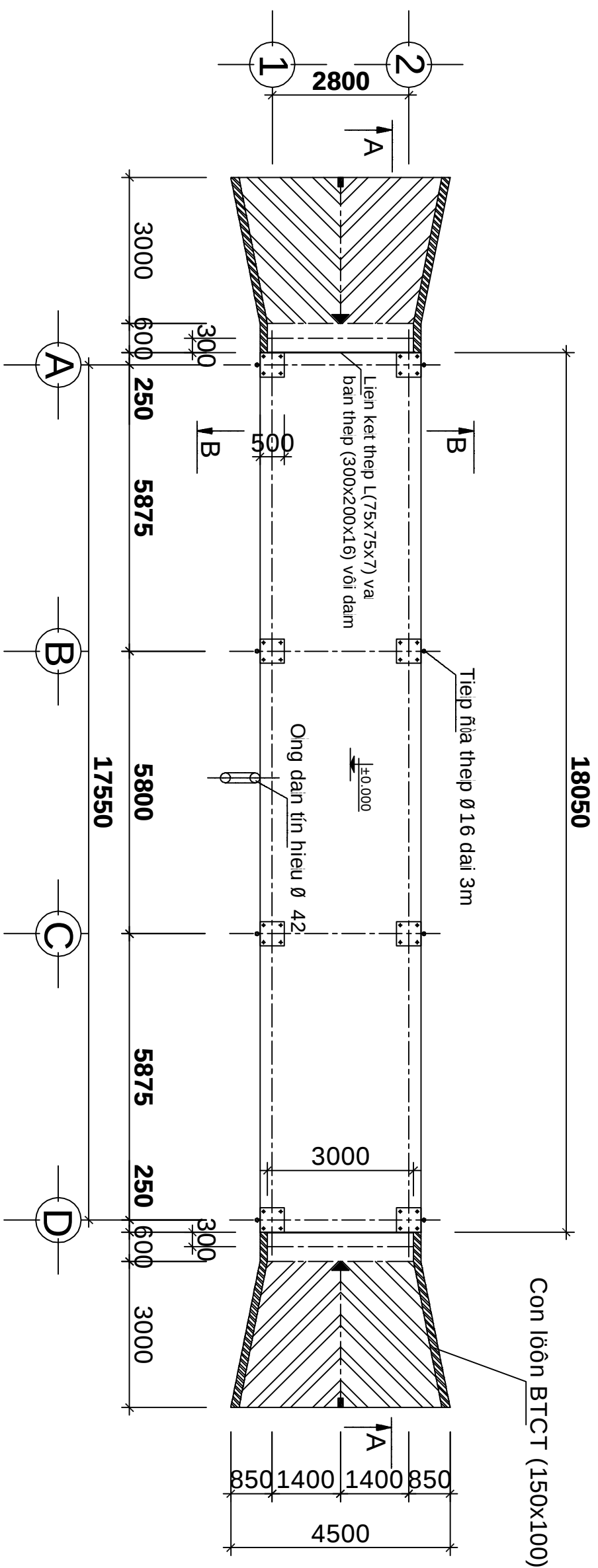
MAT CÁT 3-3

TL:1/10

CHI TIẾT BAN MA

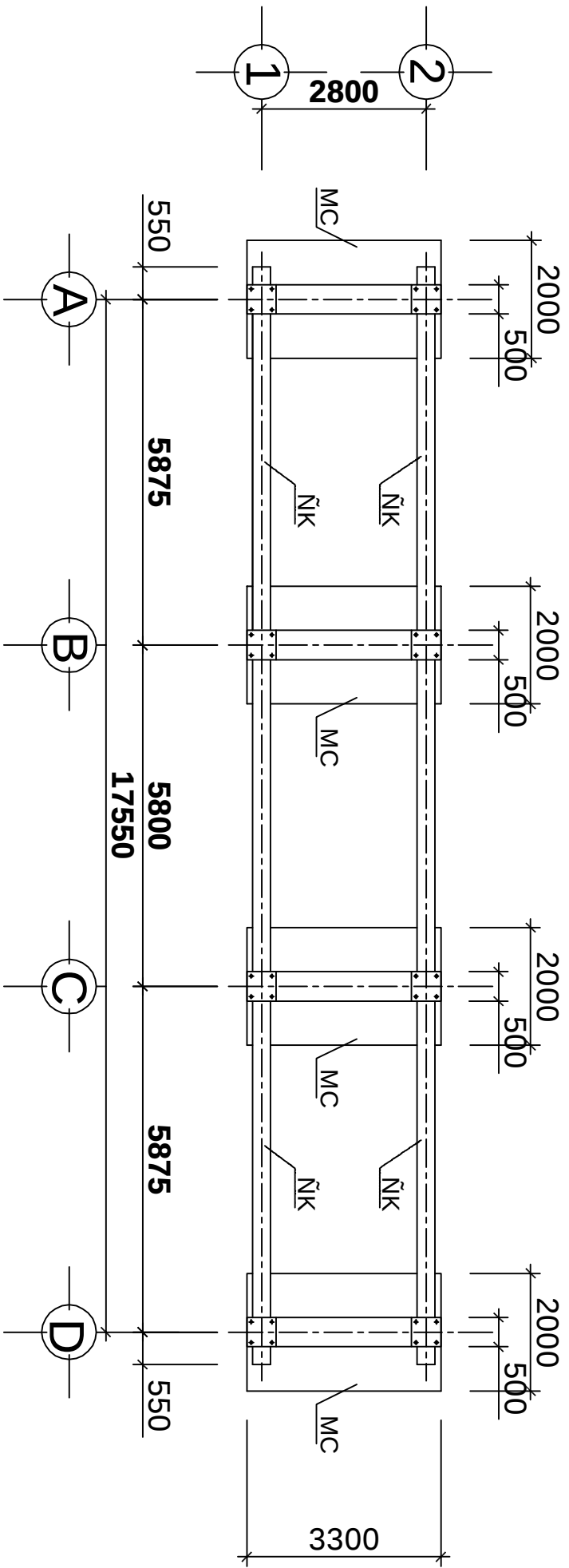
TL:1/10

MONG CÁN O TỒN TIỀN TỒ			
CÔNG TRÌNH :			
TẠI TRONG :			
KÍCH THƯỚC : 3m x 18m			
THIẾT KẾ	VE	DUYỆT	MS
			MN-18-2.0-M01



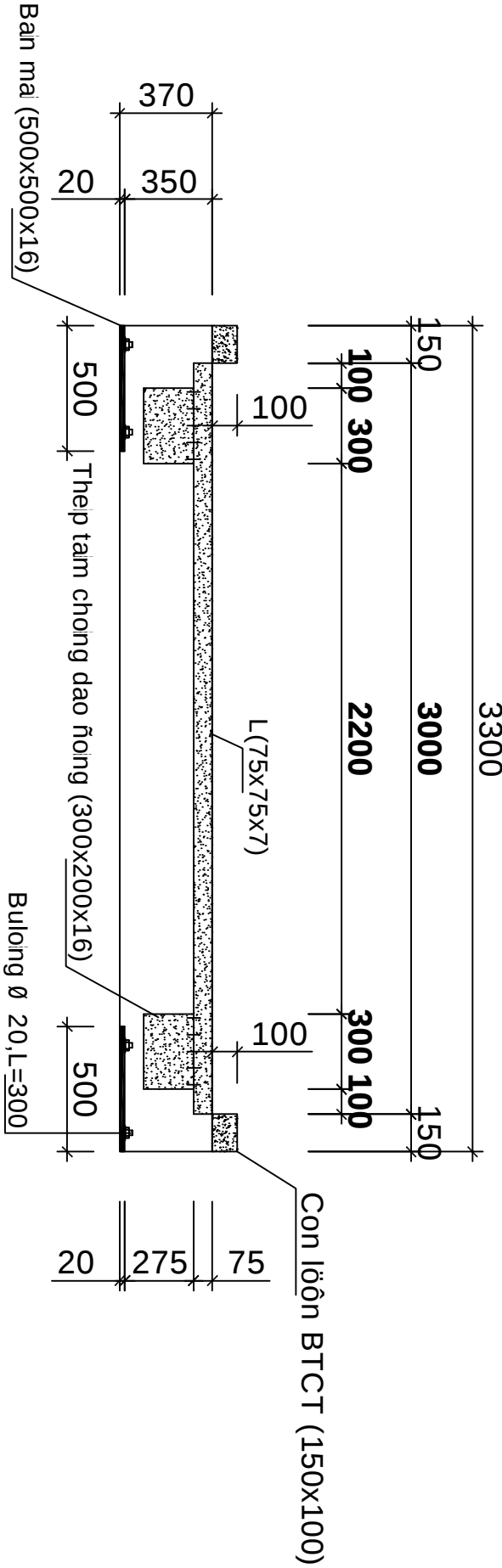
MAT BANG BE CAN

TL:1/100



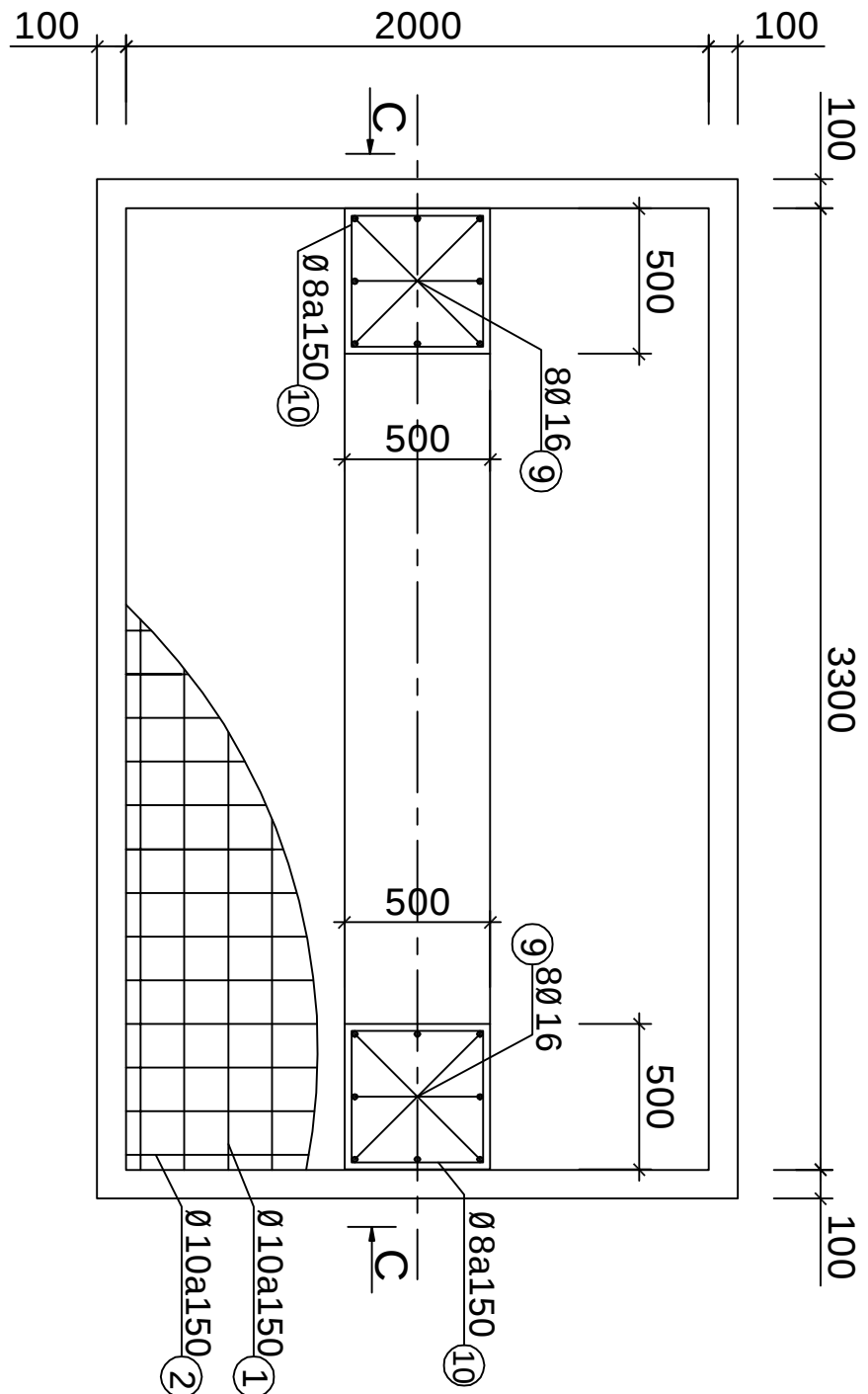
MAT BANG MONG CAN

TL:1/100



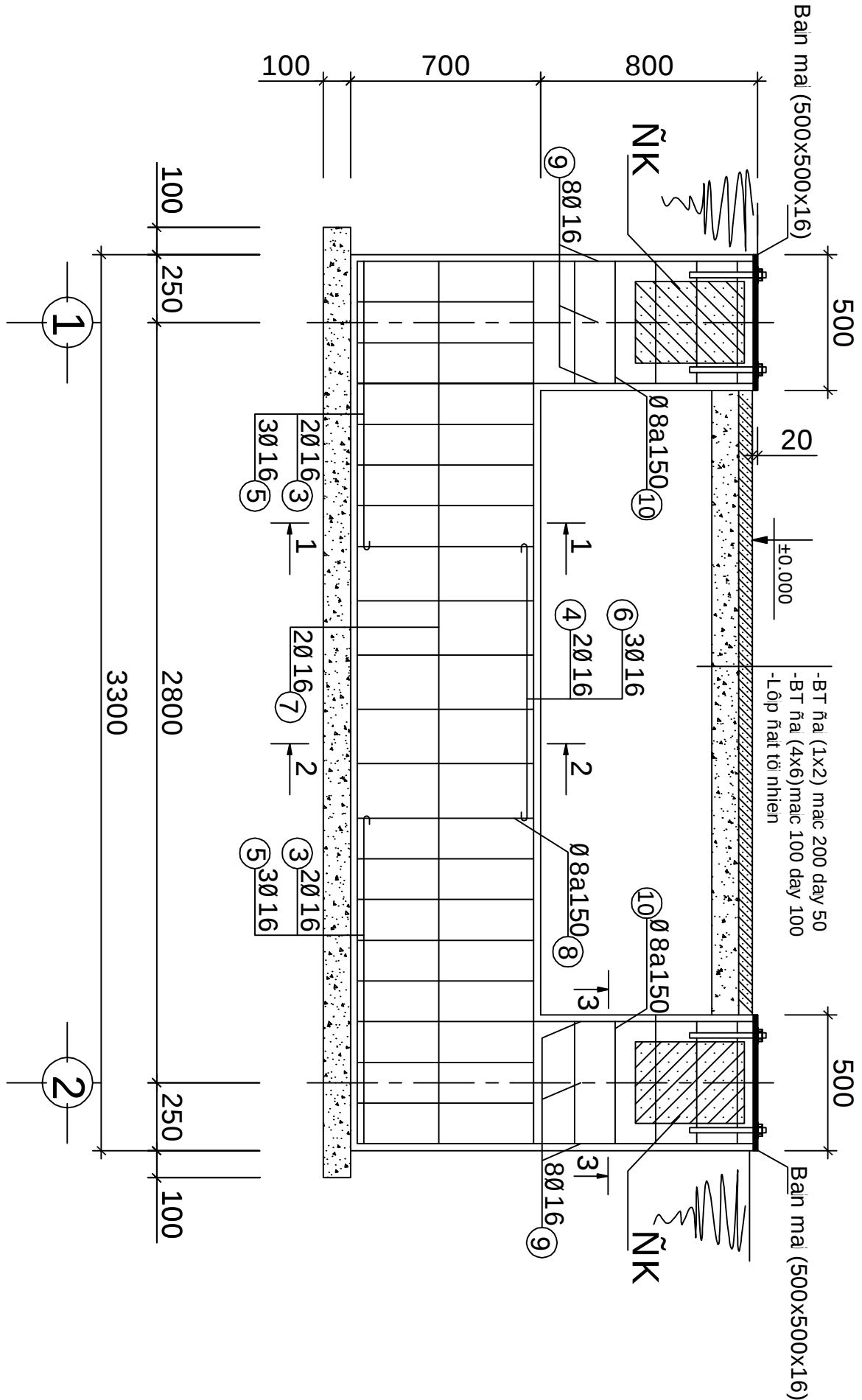
MAT CAT B-B

TL:1/25



MAT BANG MC

TL:1/25



MAT CAT C-C

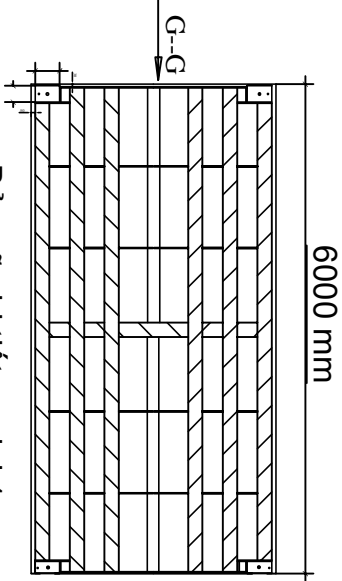
TL:1/20

GHI CHÚ:

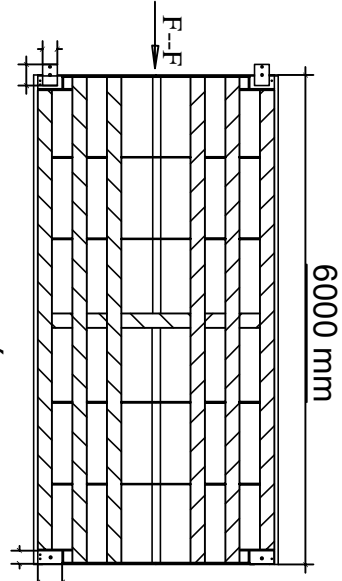
- BT ãa (1x2) mac 200
- BT ãa (4x6) mac 100
- Cõng ão thép : Ø=10 : r>=2700kg/cm2 ; Ø< 10 : r>=2100kg/cm2 ;
- Cõng ão ãat ãa ãình r=>1kg/cm2
- Ñat ong PVC Ø 42 ãa ãap ãiẽn tở ãiõa cãn ãiẽn ãha cãn
- Ñõn vò ãi cõng cũp cãp toãn bõ vãt tở ãrong bãn vẽ
- Cos ±0.000 cũa cãn ãa cos cũa ãat ãõõng
- Ñõn vò ãi cõng cũu ã cãc sõ ãiẽn ãi ããm ãrẽn bãn vẽ

MONG CÁN O TỎ NIÊN TỎ			
CÔNG TRÌNH :			
TẠI TRONG :			
KÍCH THƯỚC : 3m x 18m			
THIẾT KẾ	VE	DUYỆT	MS
			MN-18- -2.0-Môi

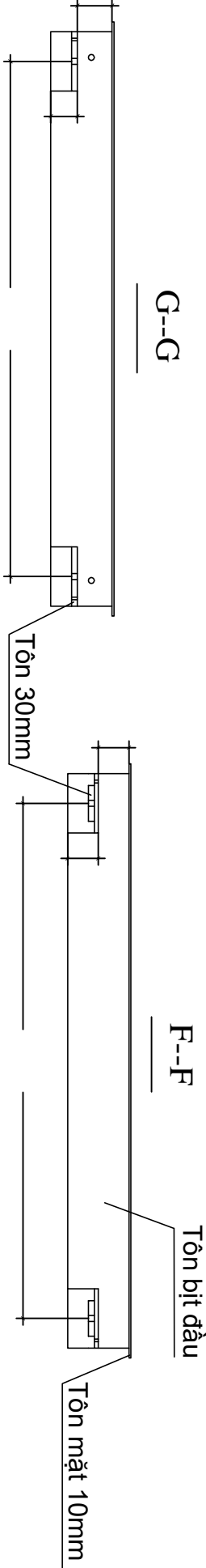
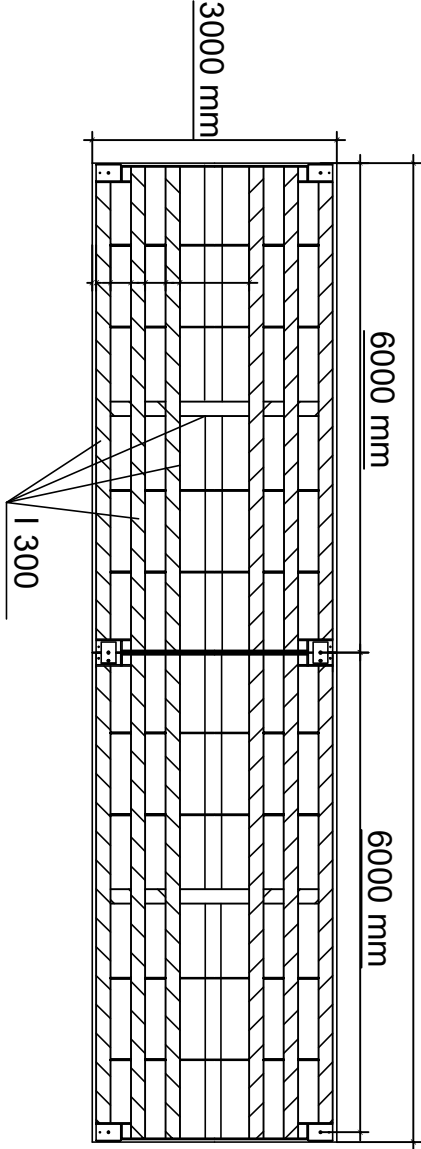
BẢN VẼ THIẾT KẾ BÀN CÂN ÔTÔ 60 T



Bản vẽ chi tiết modul 1

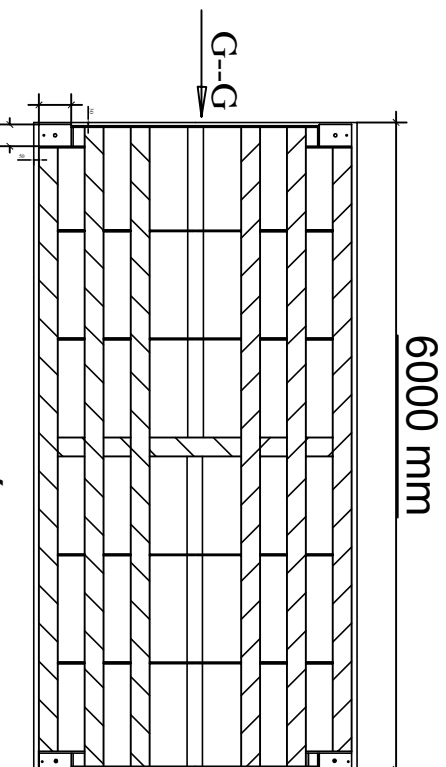


Bản vẽ chi tiết modul 2

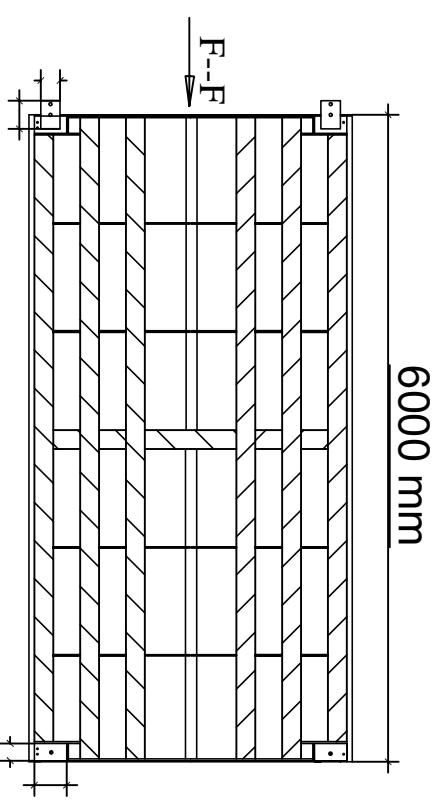


CÔNG TY CP CAN DIỆN TU THÌNH PHÁT				BẢN VẼ THIẾT KẾ BÀN CÂN ÔTÔ 60 TẤN		
Chức danh	Họ tên	Ngày ký	Chữ ký	NGÀY THĂNG	2021	BẢN VẼ SỐ: 01
Thiết kế						KÝ HIỆU: 01-BVTK

BẢN VẼ THIẾT KẾ BÀN CÂN ÔTÔ 60 T

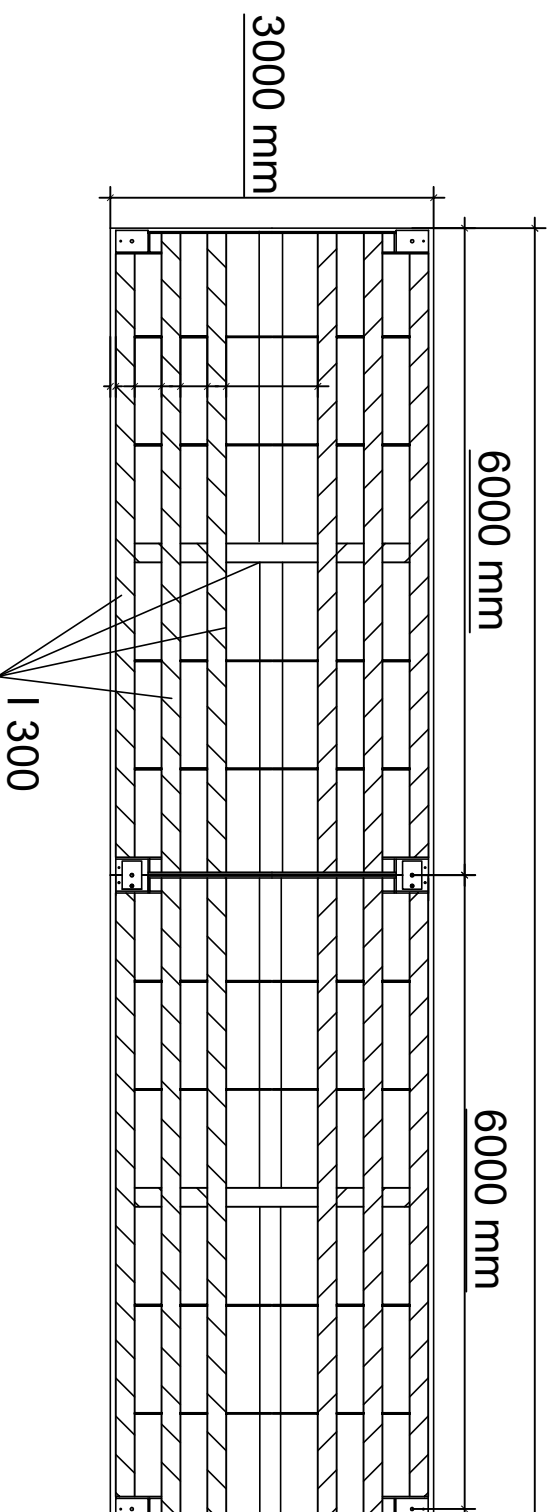


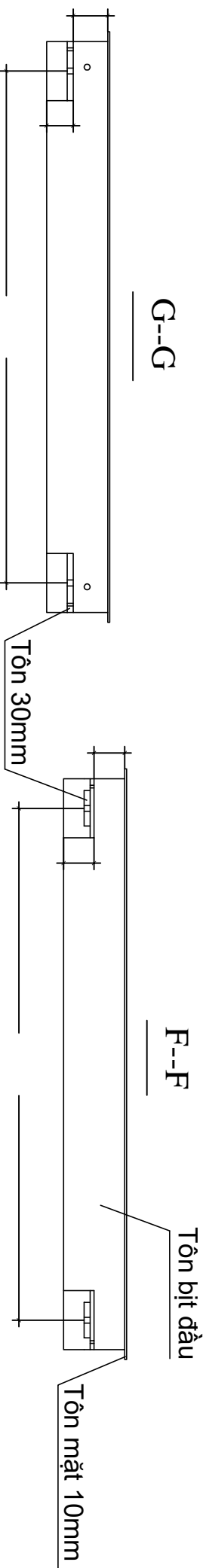
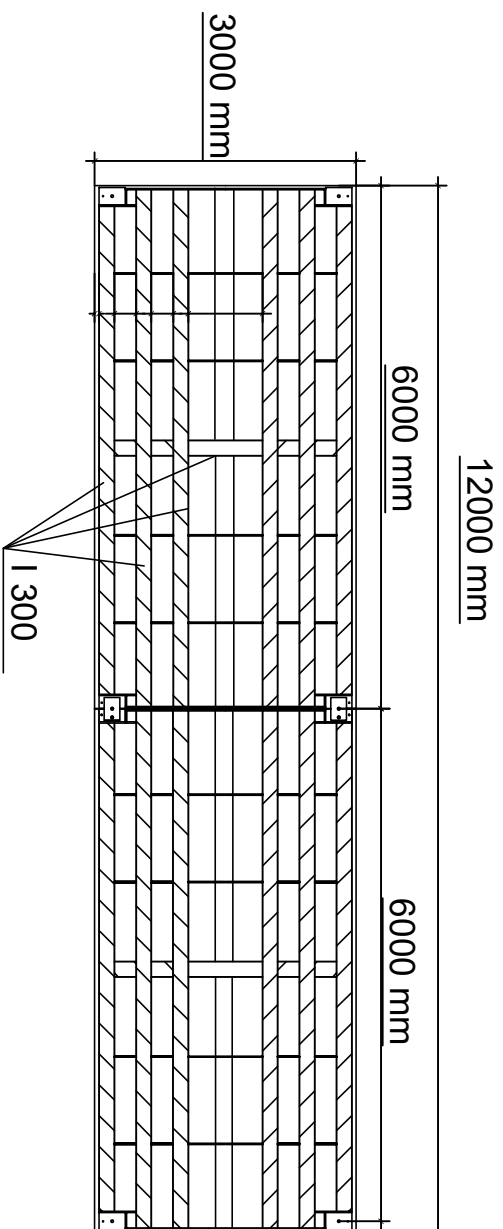
Bản vẽ chi tiết modul 1



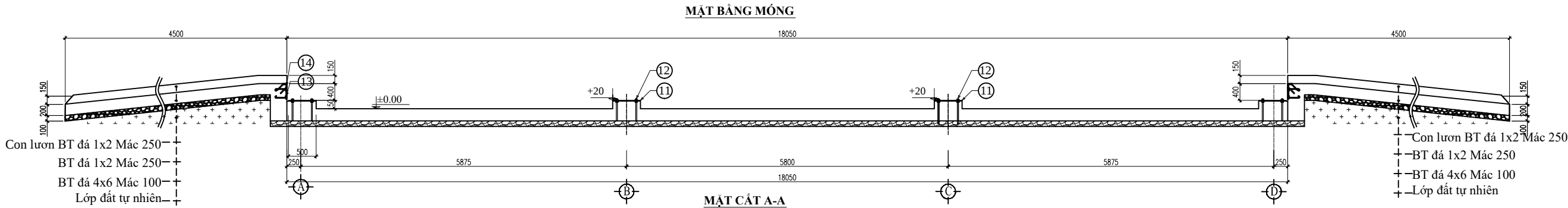
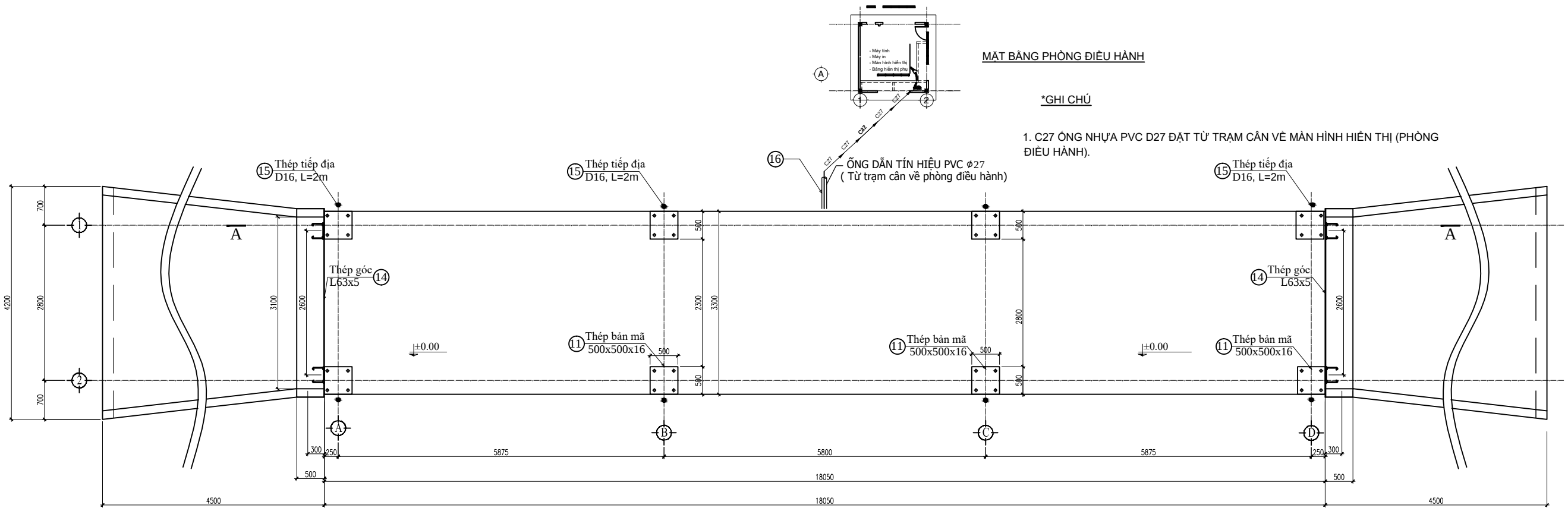
Bản vẽ chi tiết modul 2

12000 mm



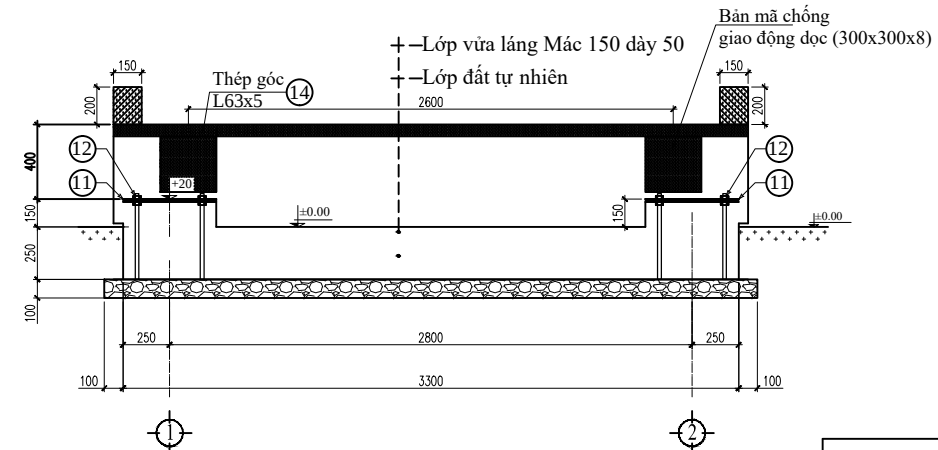


CÔNG TY CP CÁN DIỆN TƯ THINH PHÁT				BẢN VẼ THIẾT KẾ BÀN CÁN ÔTÔ 60 TẤN		
Chức danh	Họ tên	Ngày ký	Chữ ký	NGÀY THÁNG	2021	BẢN VẼ SỐ: 01
Thiết kế						KÝ HIỆU: 01-BVTK

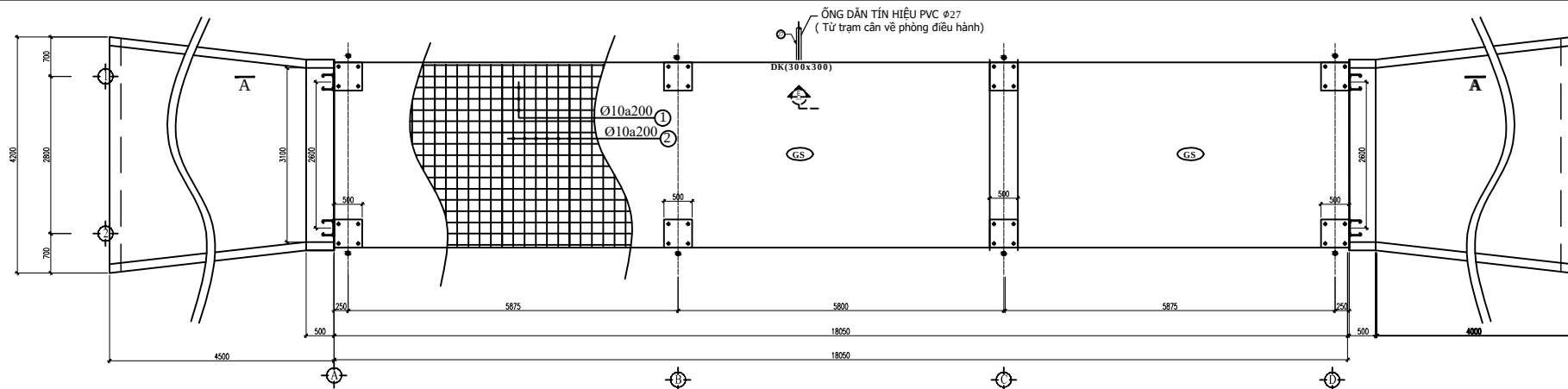


*** Chú thích:**

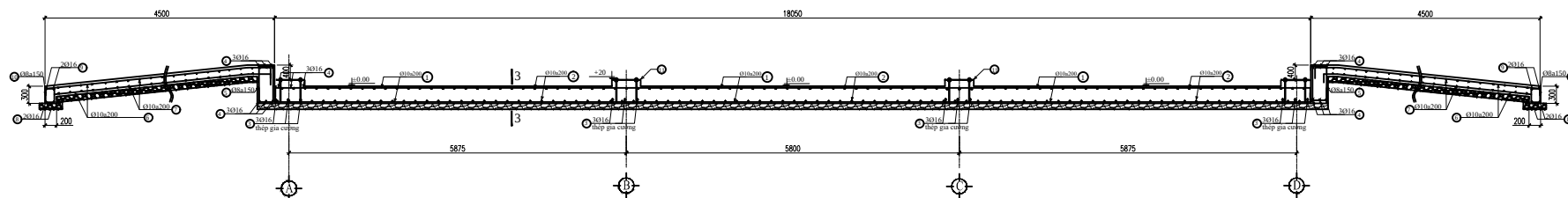
- Giả định cường độ nén của đất $K_{tc}=1.0 \text{ kg/cm}^2$.
Nếu cường độ nén của đất không đảm bảo phải gia cố thêm cừ hoặc cọc BTCT để đảm bảo móng được vững chắc.
- Trước khi đổ bê tông móng, phải đảm bảo các cọc tiếp đất được đóng tại các vị trí thể hiện trong bản vẽ.
- Dùng Bulong, tán được hàn vào thép gia cố vào các trụ.
- Dùng băng keo quấn quanh phần bulong d(40) đã hàn vào trước khi tiến hành đổ bê tông, đảm bảo bê tông không dính vào.
- Sau khi bê tông đã khô, phải xử lý ngay những nơi hỏng bên dưới mặt bản mã (bên dưới tấm sắt 500x500) để đảm bảo độ chính xác của hệ thống sau này.
- Đơn vị thi công phải
 - + Tự lắp đặt bản mã, thép góc V63, đường ống dẫn theo bản vẽ.
 - + Chuẩn bị tất cả vật liệu trong bản vẽ (bản mã, thép tiếp địa, thép V63)
 - + Đặt ống PVC Ø27 dẫn cáp điện từ giữa cân đến nhà cân, chỉ sử dụng lõi và có luồn dây chờ bên trong ống .
- Cường độ thép:
 - Ø >=10: $R=2700 \text{ kg/cm}^2$.
 - Ø < 10 : $R=2100 \text{ kg/cm}^2$.
- Bê tông lót đá 4x6 M100 hoặc bê tông lót đá 1x2 M150 dày 50.
- Bê tông đá 1x2 Mác 250.
- Cos 0.000 trên bản vẽ bằng cos hoàn thiện của mặt đường.
- Đơn vị bản vẽ là milimet.



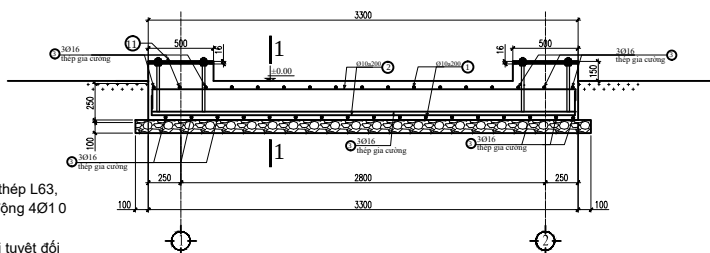
CTY CAN		CHI TIẾT BÀN CÂN 18m x 3m	
CÔNG TRÌNH	DUYỆT	SỐ BẢN VẼ	NGÀY
CÔNG TY		01	21/05/2014



MẶT BẰNG MÓNG



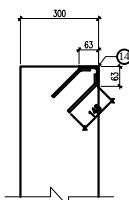
MẶT CẮT A-A



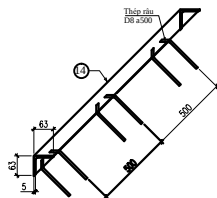
MẶT CẮT C-C TL:2:1

***Chú ý:**

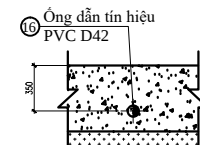
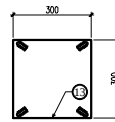
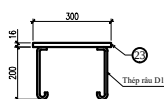
- Thép chống dao động hàn với thép L63, thép râu của thép chống dao động 4Ø10 liên kết với thép thành;
- Thép L63 và thép bản mã phải tuyệt đối đúng cao độ, khi thi công chỉ bu lông được hàn vào thép cột, tuyệt đối không được hàn bản mã.
- Bê tông cột, phần dưới bản mã phải đảm bảo đặt(Sau khi đổ bê tông 24 giờ phải tháo bản mã ra tiến hành đệm SiKa hoặc Xi măng cốt lên bề mặt bê tông rồi lắp bản mã và xiết chặt bu lông.



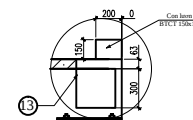
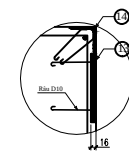
CHI TIẾT THÉP GÓC L63 TL:2:1



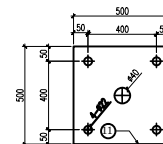
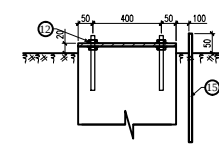
THÉP DAO ĐỘNG 300X300,t=8mm



THEO E TL:2:1



CHI TIẾT A



CHI TIẾT BẢN MÃ & THÉP TIẾP ĐỊA TL:2:1

CTY CAN		CHI TIẾT BÀN CÂN 18m x 3m	
CÔNG TRÌNH	DUYỆT	SỐ BẢN VẼ	NGÀY
CÔNG TY		02	21/05/2014

Electronic Weighing Indicator

Next



Electronic Weighing Indicator

GET A PRICE/QUOTE ASK A QUESTION [SEND INQUIRY](#)

Product Code : ID226

Brand Name : CHANGZHOU WEIBO WEIGHING EQUIPMENT SYSTEM

Product Specifications

- **Product Type**
- Weighing Indicator
- **Input**
- DC
- **Application**
- Electronic Weighing Indicator
- **Accuracy**
- 99 %

Product Description

Electronic Weighing Indicator

Our firm is appreciated as a certified organization for our eminence in manufacturing, exporting and importing a superior range of **Electronic Weighing Indicator**. Our proposed range is ideally worked as a basic weighing indicator to fully functional indicator for

weighing heavy loads. We manufacture this range at our robust infrastructure with the assistance of best quality materials in compliance with industry laid quality norms. We offer this **Electronic Weighing Indicator** to our clients in different technical specifications at a reasonable price.

Features:

- Longer service life
- Precise result
- Robust construction

Specifications:

Product Description	Product Features
ID226 is an industry weighing indicator for platform scale and track scale, high accuracy and fast stability. SS harsh enclosure with IP66 protection 6 bits 49mm high green or red LED display and 10 status lights 200,000 display division Two weight display range with two increment size Standard with one serial ports (RS232/485) Plat Form Scale Track Scale Counting Scale Over/Under/Ok Classify Scale Animal Weighing Scale	200,000 display division Support 350ohm x 8 load cell Two display increment size range RS232/485 (standard) 49mm high display, green or red MODBUS_RTU Basic Functionality: ZERO, TARE, CLEAR and PRINT. Auto Tare, Auto Clear and Auto Print Print and Totalization X10 / Over/Under/OK / Count / Animal Weighing / Unit Switch. Auto save battery and battery indicating Auto Power OFF Power Input: 100~264VAC, $\leq 0.1A$ Options NI-MH battery group 1/4 CEGP 7.2 VDC 3800mAh

Specifications and Parameters	
Accuracy	
Accuracy Class	III
EU Approval	200,000 Display Division
Increment Size	Two display increment size range
Display & Keypad	
Display	6 bits 49mm high green or red LED display and 10 status lights
Update Speed	100ms
Status Display	Over/Under/OK, Count KG/LB, Center of Zero, Net/Gross, Motion, Battery
Key	5 function keys (Tare, Clear, Zero, Function key, Print)
Power On/Off	Support
ADC	
Type	24-bit
Speed	100 Hz

Resolution	0.05uV/d
Resolution Approved	1uV/e
Input	0.1mV to 19mV
Accuracy	200,000d
Linearity and Stability	
In-linearity & TC	≤0.0015% FS; ≤5ppm/°C
Load Cell	
Exciting Voltage	5V DC
Load Cell Number	Max 8 x 350Î©
Connect Type	4- wired or 6-wired, Cable:274mR/m2
Scale Basic Functionality	
Calibration	2-point, 3- point, 5-point
Filter	3-step
Scale Process	Tare, Zero, Auto Zero, Motion, Auto Tare, Auto Clear, Auto Print and Print Totalization
Inputs	None
Outputs	None
Application	
Basic Weighting	Tare, Zero, Print, Auto Tare, Auto Clear and Auto Print, Unit switch
Classify	Over/Under/OK alarm output with relay output
Counting	Supported
Print and Totalization	Supported
Animal Weighing	Supported

Communication I/F	
Serial Port	COM1-RS232/485
Continuous Output	Supported
MODBUS-RTU	Report Weight, Remote Zero, Tare, Clear
Housing	
Harsh	IP66, Round housing bracket or Wall housing bracket
Working Condition	
Temperature	-10°C** 40°C, 95% RH
Power Supply	110VAC ~ 220VAC, 12W

ID226 Configurator						
	Housing	Hardware	Battery	Printer	Language	Display
ID226	X	X	X	X	X	X
ID226	0 - None 1 - Wallmounting bracket 2 -	0 - RS232/485 X 1	0 - None 1 - NI-MH battery	0 - None	0 -Chinese 1 - English	0 - Red 1 - Green

	Round mounting bracket					
--	----------------------------------	--	--	--	--	--

Trade Information

- **Payment Terms**
- Cash Against Delivery (CAD), Cash Advance (CA), Cash in Advance (CID), Cheque, Others
- **Sample Policy**
- Contact us for information regarding our sample policy
- **Packaging Details**
- Standard
- **Main Export Market(s)**
- Asia, Australia, Central America, North America, South America, Eastern Europe, Western Europe, Middle East, Africa
- **Main Domestic Market**
- All India
- **Certifications**
- ICRA

WEBO Weighing Device & System Co.,Ltd

Capacity	Accuracy	Part-Number
10 t	C3	HM9B-C3-10t-XXB
20 t	C3	HM9B-C3-20t-XXB
25 t	C3	HM9B-C3-25t-XXB
30 t	C3	HM9B-C3-30t-XXB
40 t SE	C3	HM9B-C3-40tSE-XXB
40 t	C3	HM9B-C3-40t-XXB
50 t	C3	HM9B-C3-50t-XXB

XX can be replaced with either 12 or 20 as being the standard cable lengths.
Please add SC to the part-number if a standard current calibration is desired



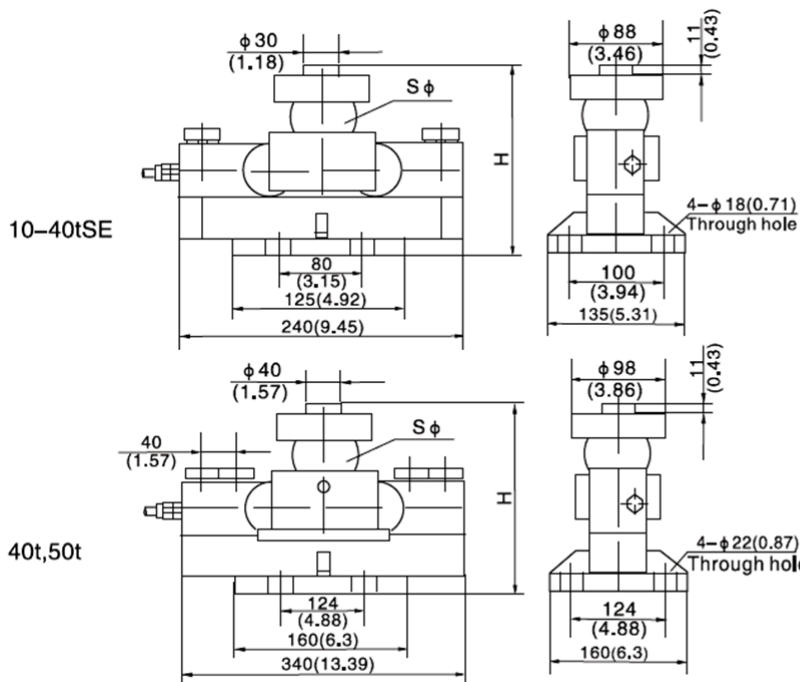
- Alloy steel IP68 dual shear beam load cell
- High accuracy
- Suitable for truck, track and other electronic weighing scales



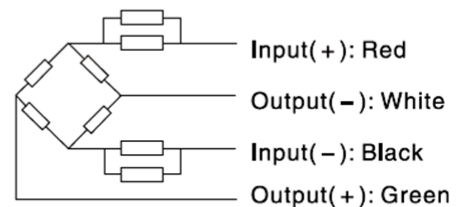
Specification:

Accuracy class		OIML R60 C3		
Output sensitivity (= FS)	mV/V	2.0 ± 0.002		
Maximum capacity (E _{max})	t	10, 20, 25		30, 40 SE, 40, 50
Maximum number of load cell intervals (n _{LC})	n _{LC}	3000		
Ratio of minimum LC verification interval Y = E _{max} / V _{min}	Y	15000		7500
Combined Error	%FS	≤ ± 0.023		
Minimum dead load	t	0		
Safe overload	of E _{max}	150 %		
Ultimate overload	of E _{max}	300 %		
Zero balance	of FS	≤ ± 1.5 %		
Excitation, recommended voltage	V	5 ~ 12		
Excitation maximum	V	18		
Input resistance	Ω	700 ± 7		
Output resistance	Ω	700 ± 7		
Insulation resistance	MΩ	≥ 5000 (at 50VDC)		
Temperature range, compensated	°C	-10 ~ +40		
Temperature range, operating	°C	-35 ~ +65		
Element material		Alloy steel		
Ingress Protection (according to EN 60529)		IP68		
ATEX classification (optional)		II1G Ex ia II1C T4	II1D Ex iaD 20 T73°C	II3G nL IIC T4

Outline Dimensions in mm (Inch)



Capacity	10t	20t~40tSE	40t,50t
Dimension			
H	195 (7.68)	225 (8.86)	267 (10.51)
S φ	50 (1.97)	76 (2.99)	82 (3.22)



Wiring:

- Shielded, 4 conductor cable : φ 5.5mm.
- Standard cable length: 12m or 20m
- Cable type and cable length for customer's own application are available on request.
- Shield not connected to element.

Ảnh tổng thể



Mặt bàn cân



Bên phải bàn cân



Bên trái bàn cân



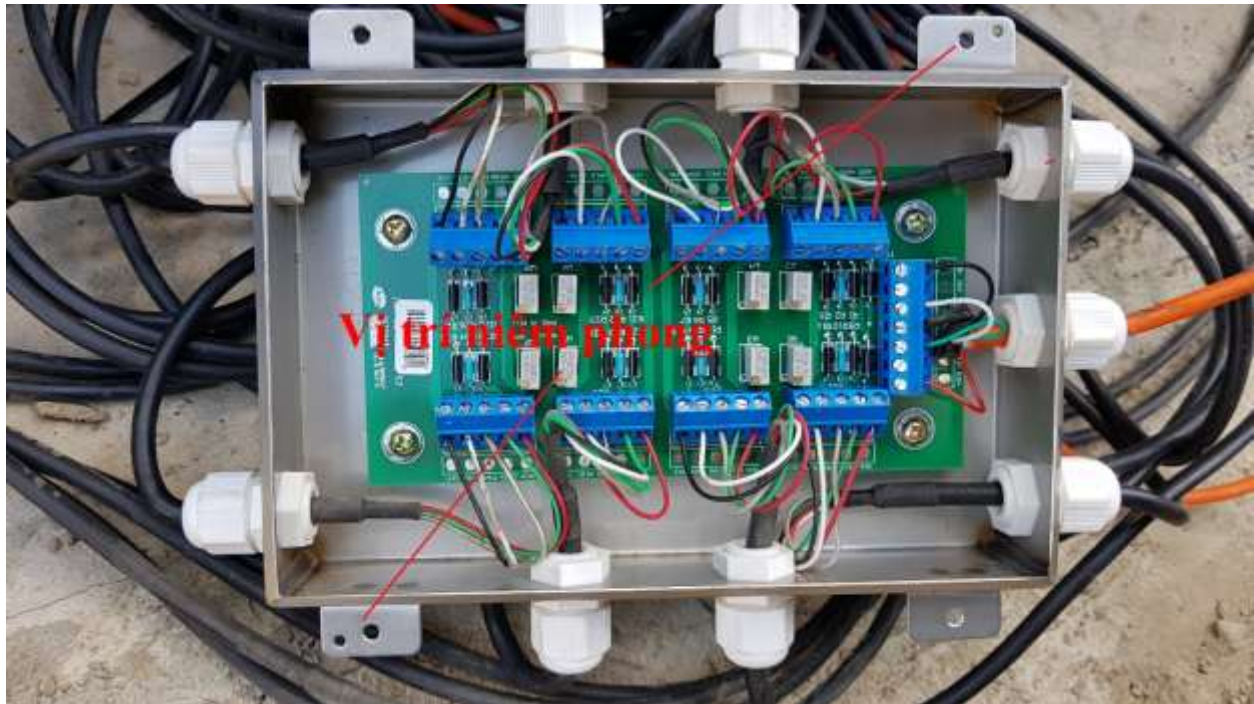
Mặt trước bàn cân



Mặt sau bàn cân



Hộp nối



Bộ mạch chính



Mặt trước đầu cân



Bên phải đầu cân



Bên trái đầu cân



Mặt sau đầu cân



Mặt dưới đầu cân



Loadcell số 1



Loadcell số 2



Loadcell số 3



Loadcell số 4



Loadcell số 5



Loadcell số 6



Loadcell số 7



Loadcell số 8



Nhãn đầu cân

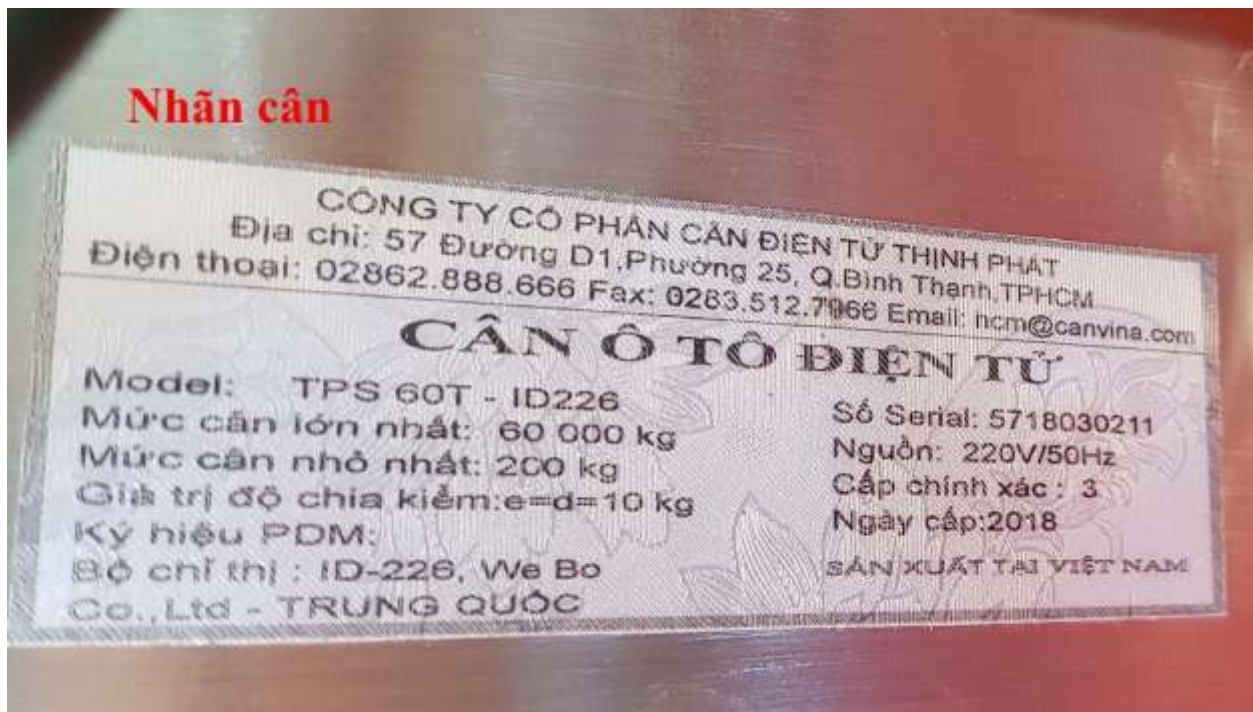


Nhãn loadcell

Nhãn loadcell



Nhãn cân



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0304788449

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 06 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 08 tháng 04 năm 2015

*(Tên cũ: Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ cân điện tử Thịnh Phát)
(Được chuyển đổi từ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Cân điện tử
Thịnh Phát, MSDN:0304788449, số ĐKKD 4102046303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2006)*

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THINH PHAT SCALE ELECTRONIC JOINT
STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THINH PHAT SCALE ELECTRONIC JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

57 Đường D1, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08.62888666-08.62999111

Fax: 08.35127966

Email: hcm@canvina.com

Website: www.canthinhphat.com

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất cân điện tử, sản xuất cân thông dụng, cân phân tích, cân kỹ thuật, cân thủy sản, cân hành lý, cân ô tô, cân bàn, cân sàn, cân công nghiệp, cân móc cầu (không hoạt động tại trụ sở) (trừ sản xuất và lắp ráp điều hòa không khí gia dụng (điều hòa không khí có công suất từ 48.000 BTU trở xuống) sử dụng ga lạnh R22)	2819 (Chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Mua bán cân điện tử, mua bán linh kiện cân điện tử	4669
3	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý ký gởi hàng hóa	4610
4	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe du lịch	7710
5	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: mua bán phần mềm vi tính	4651
6	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm vi tính	5820

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa cân điện tử, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị đo lường, sửa chữa linh kiện cân điện tử (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	3312
8	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: Sản xuất thiết bị cân, thiết bị đo lường, sản xuất cảm ứng lực cân, bộ chỉ thị cho cân điện tử, quả cân (không hoạt động tại trụ sở)	2651
9	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định, hiệu chuẩn các loại cân điện tử, quả cân điện tử	7120
10	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cân điện tử (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	3320

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Chín tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000.000 đồng

Tổng số cổ phần:

5. Số cổ phần được quyền chào bán:

6. Vốn pháp định

7. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	Tăng Thị Kim Cương	195/79 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360	3.600.000.000	40	025078687	
2	Tăng Thị Kim Trúc	84 Nguyễn Bá Tông, phường 11, quận Tân Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9	90.000.000	1	024094430	

3	Võ Hồ Thái Cường	195/79 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	531	5.310.000.000	59	025078746	
---	------------------	--	-------------------	-----	---------------	----	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên: **VÕ HỒ THÁI CƯỜNG**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *08/11/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *025078746*

Ngày cấp: *14/02/2009*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hồ Chí Minh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

195/79 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

9B7 Cư xá 304, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Số: 1643 /QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt mẫu phương tiện đo

TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đo lường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 01 mẫu Cân ô tô kiểu điện tử ký hiệu TPS 60T-ID226, do Công ty Cổ phần Cân điện tử Thịnh Phát (địa chỉ trụ sở chính: 57 đường D1, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; ĐT: 028.62888666) sản xuất có đặc tính kỹ thuật đo lường chính ghi trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phương tiện đo sản xuất theo mẫu nêu tại Điều 1 phải mang ký hiệu phê duyệt mẫu PDM 2424-2018.

Điều 3. Công ty Cổ phần Cân điện tử Thịnh Phát chịu trách nhiệm:

1. Sản xuất phương tiện đo phù hợp với mẫu đã được phê duyệt; thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, phòng chống tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo trong quá trình sử dụng.
2. Thực hiện việc kiểm định ban đầu đối với phương tiện đo theo quy định.
3. Định kỳ hằng năm, trước ngày 31 tháng 3, lập báo cáo hoạt động sản xuất phương tiện đo gửi về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 30/9/2028.

Điều 5. Vụ trưởng Vụ Đo lường, Giám đốc Công ty Cổ phần Cân điện tử Thịnh Phát chịu trách nhiệm thi hành./. 

Nơi nhận:

- Công ty CP Cân điện tử Thịnh Phát; ✓
- Chi cục TCĐLCL TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu VT; DL.



TỔNG CỤC TRƯỞNG

Trần Văn Tiến

Phụ lục

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1643/QĐ-TĐC ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Đặc tính kỹ thuật đo lường chính của 01 mẫu Cân ô tô kiểu điện tử ký hiệu ký hiệu TPS 60T-ID226

- Phạm vi đo: $(200 \div 60\,000)$ kg;
- Giá trị độ chia kiểm ($e = d$): 10 kg;
- Cấp chính xác: 3;
- Đầu đo: 08 đầu đo điện tử, kiểu HM9B-C3-30t-16B-2, Max: 30 t, hãng Zemic (Trung Quốc);
- Bộ chỉ thị điện tử: 01 bộ chỉ thị, kiểu ID226, hãng Webo Weighing Device & System Co., Ltd. (Trung Quốc);
- Bàn cân:
 - + Vật liệu mặt bàn cân: thép dày 10 mm;
 - + Kết cấu: dầm chính I300 gồm 03 module với kích thước mỗi module: $(6 \times 3 \times 0,3)$ m;
 - + Kích thước mặt bàn cân: $(18 \times 3 \times 0,3)$ m.

38

11-

TPS® Since 2006
CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT



(028) 62.888.666 - 0915.999.111

www.CANTHINHPHAT.com.vn

